

TỔNG CỤC DU LỊCH
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

KỶ YẾU HỘI THẢO

PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ,
MÔ HÌNH & GIẢI PHÁP



Hà Nội, 9/2021

MỤC LỤC

PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP	3
DU LỊCH GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.....	16
TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ	30
VẤN ĐỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ VIỆC LÀM XANH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ	40
XANH HÓA DỊCH VỤ DU LỊCH TRÊN CƠ SỞ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XANH, SẠCH VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.....	46
VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH	55
VỊNH XUÂN ĐÀI - PHÁT TRIỂN DU LỊCH XANH: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP	67
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.....	74

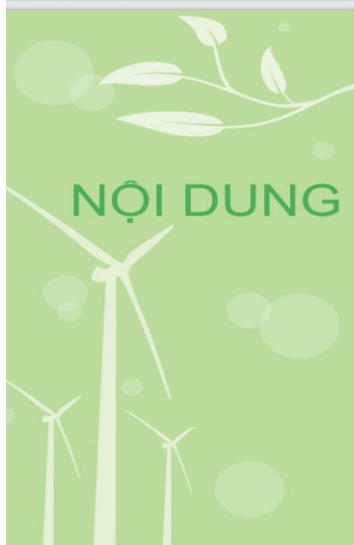
PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Nguyễn Thị Lan Hương

TỔNG CỤC DU LỊCH
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, MÔ HÌNH & GIẢI PHÁP

<http://www.free-powerpoint-templates-design.com>



- 01 Một số vấn đề cơ sở lý luận chung về TTX và mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh
- 02 Thực trạng phát triển du lịch theo hướng TTX Vùng DHNTB
- 03 Giới thiệu mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng duyên hải Nam Trung Bộ

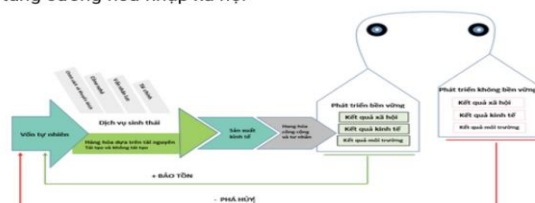
Thảo luận xin ý kiến

Một số vấn đề cơ sở lý luận chung về TTX và mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh

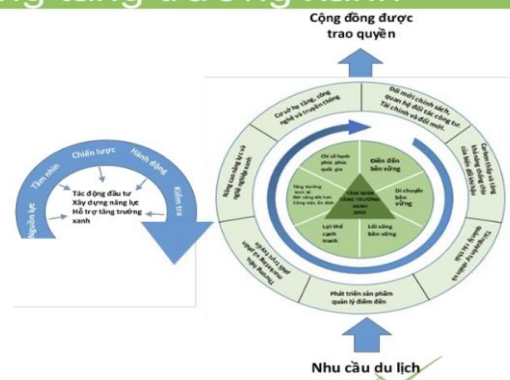
Tăng trưởng xanh:

Khái niệm

“Tăng trưởng xanh” là một cách tiếp cận phát triển đảm bảo tăng trưởng kinh tế đồng thời đảm bảo bền vững với môi trường và hòa nhập xã hội. Tăng trưởng xanh tìm kiếm cơ hội cho tăng trưởng kinh tế carbon thấp và khả năng phục hồi khí hậu, ngăn ngừa hoặc khắc phục ô nhiễm, duy trì sức khỏe và hệ sinh thái sản xuất, và tạo ra việc làm xanh, giảm nghèo và tăng cường hòa nhập xã hội



Chuỗi giá trị tăng trưởng xanh
(Nguồn: Green Growth Concepts and Definitions, Working Paper, OECD, 2014)



Lộ trình đầu tư tăng trưởng xanh đến năm 2050 của thế giới

(Nguồn: Lipman, 2014:8)

Nguyên tắc

Phát triển du lịch theo hướng TTX phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển ngành du lịch; đảm bảo tuân thủ quan điểm, mục tiêu chiến lược quốc gia về tăng trưởng đáp ứng các yêu cầu phát triển du lịch trong hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng phát triển du lịch trong tương lai.

Khái niệm

Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là phương thức phát triển dựa trên cơ sở tôn trọng, bảo tồn, phát huy hiệu quả các giá trị tài nguyên; thực hiện các hoạt động quản lý, kinh doanh và tiêu dùng du lịch xanh; tiêu thụ ít năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo; đồng thời, tạo việc làm, cải thiện sinh kế và mang lại hạnh phúc cho người dân, góp phần xây dựng nền kinh tế xanh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. (Nguyễn Anh Tuấn và đồng tác giả, 2020)

Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là mô hình, phương thức để chuyển đổi từ phát triển du lịch theo chiều rộng sang phát triển du lịch theo chiều sâu, theo hướng “xanh” và bền vững

Những nội dung chủ yếu:

- Tăng trưởng du lịch sạch (ít carbon), thân thiện với môi trường, giảm phát thải nhà kính để giảm thiểu các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu;
- Tăng trưởng du lịch theo chiều sâu, hao tổn ít nhiên liệu, tăng cường các yếu tố sinh thái, thân thiện với môi trường, đổi mới công nghệ;
- Tăng trưởng du lịch bền vững, xóa đói giảm nghèo và phát triển công bằng.

Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh



Khung tiêu chí đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh

Các nhóm tiêu chí tăng trưởng xanh theo các tổ chức quốc tế

TT	Nhóm tiêu chí	Tổ chức quốc tế, quốc gia, tổ chức				
		UNESCAP	UNEP	OECD	EU	KOREA
1	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	x				
2	Xanh hóa thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh	x				
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững	x	x			
4	Cải cách thuế và ngân sách xanh/Tái cơ cấu để tăng đầu tư cho tài nguyên, nhân lực	x	x			
5	Đầu tư bảo vệ tài nguyên thiên nhiên/sử dụng ít tài nguyên	x				
6	Xây dựng và thực hiện hiệu quả các chỉ số về sinh thái	x				
7	Giảm chất thải/khí nhà kính		x			
8	Tăng cường bình đẳng xã hội		x			
9	Tăng trưởng kinh tế trong bảo vệ môi trường			x		x
10	Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học và sử dụng thiếu bền vững tài nguyên thiên nhiên			x		
11	Tăng trưởng thông minh (dựa vào trí thức và cải tiến công nghệ)				x	x
12	Tăng trưởng bền vững (sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và có khả năng cạnh tranh cao hơn)				x	x
13	Tăng trưởng bình đẳng (tạo nhiều việc làm, có sự gắn bó trong xã hội và bình đẳng giữa các thành phần, vùng, miền)				x	
14	Tạo động lực phát triển từ năng lượng xanh, công nghệ sạch					x

Các nhóm tiêu chí phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại Việt Nam

Tiêu chí	STT	Chỉ tiêu	Thang điểm
Giá trị gia tăng về kinh tế	1.1	Lợi thế so sánh về tài nguyên du lịch	6
	1.2	Khả năng tăng trưởng và thu nhập từ du lịch tăng	6
	1.3	Quy mô thị trường khách và nhu cầu sản phẩm du lịch	6
Văn hóa - xã hội	2.1	Bảo tồn các giá trị tài nguyên, di sản văn hóa	4
	2.2	Khả năng tạo việc làm trong hoạt động du lịch	5
	2.3	Rào cản tiếp cận thị trường lao động thấp	5
	2.4	Chính sách xã hội thích hợp, công bằng	5
Giảm phát thải khí nhà kính (thấp carbon)	3.1	Sử dụng năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời...)	19
	3.2	Phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời...)	6
	3.3	Sử dụng tiết kiệm năng lượng	6
Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước	4.1	Phát triển công nghệ sử dụng nước hiệu quả	18
	4.2	Ứng dụng công nghệ sử dụng nước hiệu quả	5
	4.3	Xử lý và tái sử dụng nước hiệu quả	5
Đổi mới sinh thái	5.1	Đổi mới quy trình và ứng dụng công nghệ trong khai thác và sử dụng tài nguyên du lịch hiệu quả	15
	5.2	Khả năng ứng dụng công nghệ và sáng tạo sản phẩm du lịch mới	5
	5.3	Khả năng chiếm lĩnh thị trường khách du lịch	5
Bảo vệ môi trường	6.1	Xử lý chất thải và giảm xả thải ra môi trường	15
	6.2	Có hướng dẫn và cơ chế phòng ngừa rủi ro môi trường	5
	6.3	Bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học	5
TỔNG ĐIỂM			100

(Hoàng Hoa Quân, 2021)

tiền về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng TTX

Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh

Căn cứ xây dựng mô hình

01

Lý thuyết

02

Kinh nghiệm

03

Thực tiễn

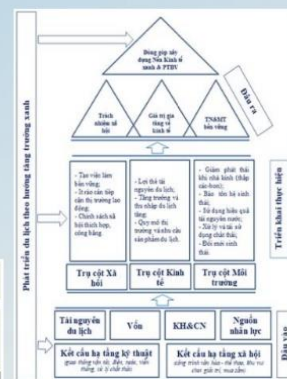


Mô hình lý thuyết phát triển DL theo hướng TTX ở Việt Nam

a) Mô hình Chuỗi tuần hoàn



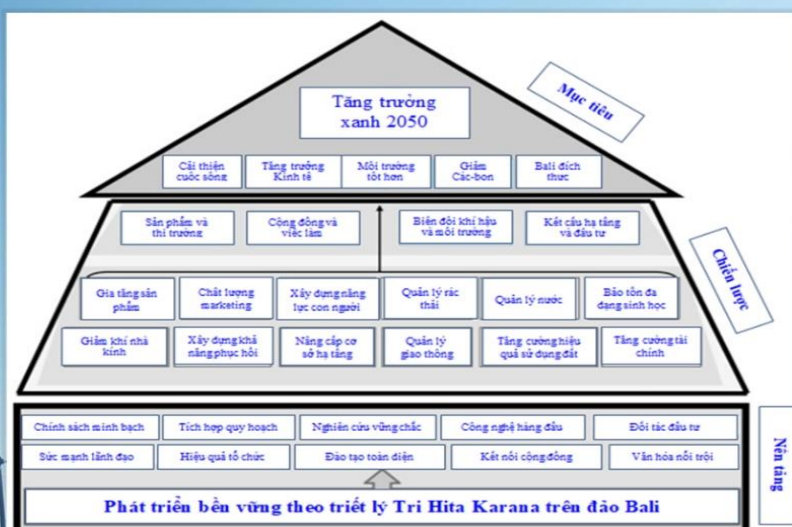
c) Mô hình Chuỗi nối tiếp



b) Mô hình Hình chóp

Mô hình phát triển du lịch tăng trưởng xanh đến năm 2050 ở Bali, Indonesia

Nguồn: Green Growth and travelism, concept, policy and practice for sustainable tourism



Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch Vùng duyên hải Nam Trung bộ

NỘI DUNG

- 01 Tiềm năng phát triển du lịch Vùng DHNTB
- 02 Điều kiện kinh tế
- 03 Điều kiện văn hóa xã hội
- 04 Thực trạng phát triển du lịch Vùng DHNTB

Các giá trị tài nguyên đặc sắc điển hình Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ



Điều kiện kinh tế

Khu vực có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 9%/ năm.

Cơ cấu kinh tế của vùng có những bước tiến đáng kể theo hướng khai thác thế mạnh kinh tế biển (ngành dịch vụ, nông nghiệp và công nghiệp, cụ thể như đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, khoáng sản, vận tải biển và du lịch).

Chất lượng điều hành kinh tế khá tốt, nổi bật là Đà Nẵng, Quảng Ngãi thuộc nhóm xếp hạng rất tốt, các tỉnh còn lại trong vùng (trừ Phú Yên và Ninh Thuận) đều thuộc nhóm xếp hạng khá.

Các hoạt động kinh tế cũng có sự khác biệt giữa vùng đồi núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển phía Đông. Các hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển bao gồm: công nghiệp, thương mại, du lịch, khai thác và nuôi trồng thủy sản; vùng đồi núi phía Tây - chăn nuôi gia súc lớn (bò đàn, cừu), nghề rừng, trồng cây công nghiệp.

Bảng 1: GDP của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2017

	2010	2017
GDP Duyên hải Nam Trung Bộ (Nghìn Tỷ VND)	237,4	461,4
Tăng trưởng %	14,6	6,5
Tỉ lệ đóng góp GDP %	11,0	9,2
GDP cả nước	2.158	5.006
Tăng trưởng %	6.42	6.81

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam và Niên giám thống kê các tỉnh

(Nguồn: <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/phat-trien-kinh-te-vung-duyen-hai-nam-trung-bo-d14123.html>, ngày truy cập 17/9/2021)

Điều kiện văn hóa xã hội

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
1	Dân số trung bình	người	1,142,694	1,148,737	1,154,447	1,160,950	
2	Mật độ dân số	người/km ²	-	-	-	282,37	
3	Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	8,97	8,17	7,6	8,82	
4	Dân số thành thị	người	424,655	428,836	432,915	438,186	
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%					
6	Dân số nông thôn	người	718,039	719,901	721,532	722,764	
7	Tỷ lệ dân nông thôn	%	61,90	61,94	61,87	61,78	

Phân bố dân cư có sự khác biệt giữa vùng đồi núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển phía Đông. Vùng đồng bằng ven biển chủ yếu là người Kinh và một bộ phận nhỏ người Chăm - thuộc hệ ngôn ngữ Nam Đảo (ở Ninh Thuận, Bình Thuận).

Mật độ dân số cao, phân bố tập trung ở các thành phố, thị xã. Vùng đồi núi phía Tây chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người: các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer Trường Sơn - Tây Nguyên như: Cotu (Đà Nẵng, Quảng Nam), Giẻ-Triêng (Quảng Nam), Xơ - đăng (Quảng Nam, Quảng Ngãi), Co (Quảng Ngãi), Hre (Quảng Ngãi, Bình Định), Bana (Bình Định, Phú Yên) và các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo như: Giarai (Phú Yên), Êđê (Phú Yên, Khánh Hòa), Raglai (từ Khánh Hòa đến Bình Thuận), Churu (Ninh Thuận, Bình Thuận).

Bản sắc văn hóa của các dân tộc (đặc biệt là dân tộc Chăm và các dân tộc Đông Trường Sơn) là một trong những tài nguyên du lịch nổi trội và là thế mạnh để khai thác phát triển du lịch của vùng.

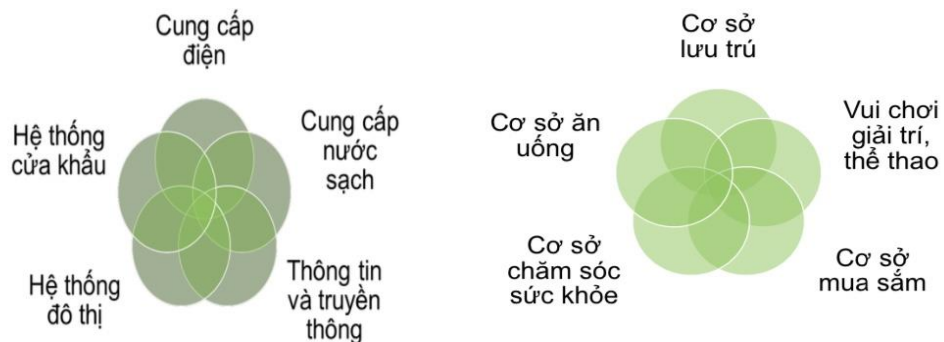
Nguồn: Niên giám thống kê các Tỉnh, thành phố vùng DHNTB

Khả năng tiếp cận

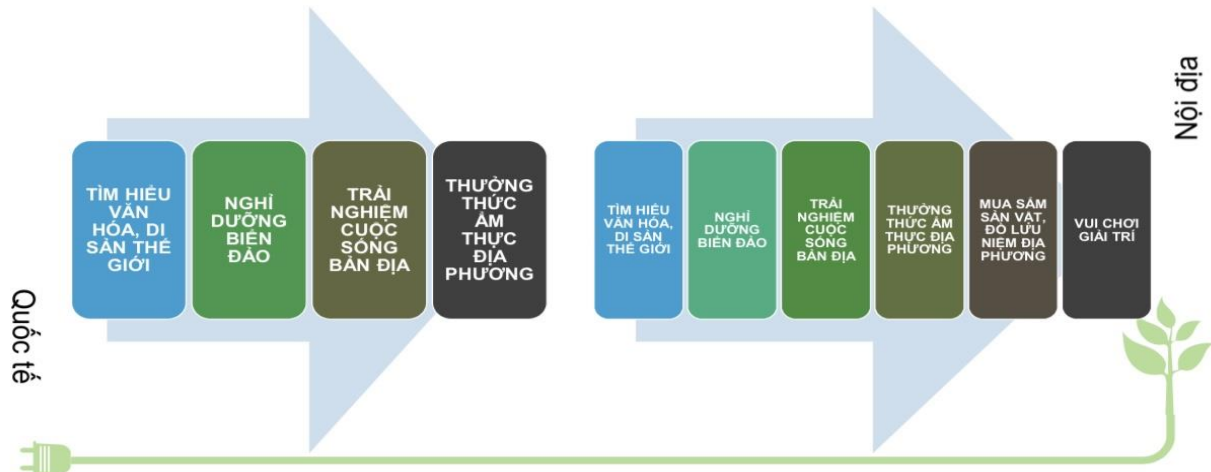
- **Đường bộ**
 - Quốc lộ 1A, 14, tuyến đường ven biển
 - Tuyến quốc lộ theo hướng đông Tây: 14B, 14D, 14C, 19, 19B, 24, 24B, 25, 26, 26B, 27, 27B, 28, 29
- **Đường sắt**
- **Đường hàng không:**
 - 5 sân bay, 02 sân bay quốc tế. Đến năm 2020, có thêm sân bay Phan Thiết
- **Đường thủy:**
 - Giao thông đường sông
 - Giao thông đường biển



Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở VCKT phục vụ du lịch Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ



Các hoạt động du lịch tại Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ



Sản phẩm du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ

Sản phẩm du lịch di sản và đặc trưng văn hóa khu vực

Sản phẩm đặc thù

- Tham quan tìm hiểu văn hóa bản địa;
- Nghiên cứu văn hóa kết hợp khảo cổ;
- Trải nghiệm, khám phá đời sống cộng đồng địa phương;
- Tham gia lễ hội, sự kiện
- Du lịch tâm linh, di sản
- Du lịch MICE

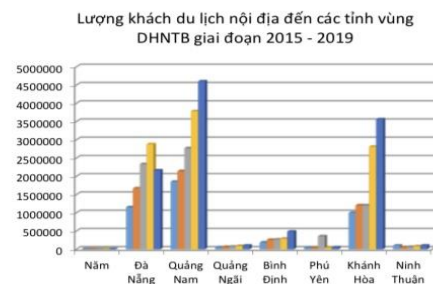
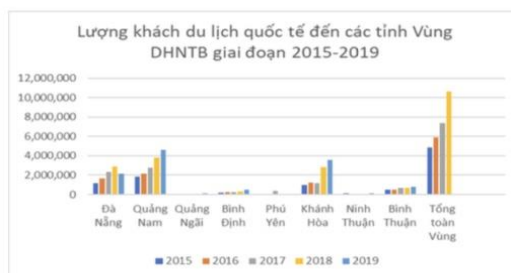


Sản phẩm bổ trợ

- Thường thức ẩm thực
- Nghỉ dưỡng cuối tuần
- Du lịch gắn với công nghệ
- Các hoạt động du lịch sáng tạo
- Trải nghiệm và tham quan đô thị
- Du lịch gắn với giáo dục trong các trường học, các chương trình tham quan du lịch về nguồn
- Du lịch cộng đồng, nông nghiệp thiện nguyện;
- Giao lưu tìm hiểu về danh nhân, nghệ nhân, di sản



Lượng khách du lịch





Thực trạng phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh Vùng duyên hải Nam Trung bộ

Thực trạng phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh Vùng duyên hải Nam Trung bộ

NỘI DUNG

01 Chỉ số về môi trường

02 Chỉ số liên quan đến ứng phó BĐKH

03 Chỉ số gia tăng về kinh tế

04 Chỉ số gia tăng về văn hóa, xã hội

Các chỉ số liên quan đến môi trường

- Vấn đề thu gom, phân loại, xử lý rác thải biển; kiểm soát và bảo vệ môi trường biển, ven biển, đặc biệt là rác thải nhựa cũng cần được chú trọng (xây dựng các cơ sở lưu trữ dựa trên nền tảng xanh; nói không với rác thải nhựa trong lưu trú; "Cả bóng ăn Rác" đặt tại các bãi biển; thành lập các câu lạc bộ thường xuyên dọn rác tại Sơn Trà, các bãi biển của Đà Nẵng; mô hình công viên rác thải, vườn hoa bằng rác thải nhựa....)
- Việc phục hồi các hệ sinh thái biển bị suy thoái (rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển).
- Riêng tiêu chí môi trường, tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt còn thấp.
- Tìm kiếm, lựa chọn công nghệ, thu hút nhà đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải còn chưa cao.
- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tự giác tham gia phân loại rác tại nguồn mới chỉ được một vài địa phương thực hiện
- Nhiều nơi, tiêu chí môi trường tuy đã đạt, nhưng chưa thực sự bền vững hoặc đi vào chiều sâu.
- Xây dựng điểm đến xanh, nói không với rác thải, không dùng rác thải nhựa.
- Đưa tiêu chí "xanh hóa" vào các dự án để tạo thành điểm đến xanh. Một số dự án điển hình: 50 triệu cây xanh của Novaland, Vệ sinh môi trường trong và ngoài khu vực mỗi tháng, dự án La Vie – UN hướng tới bảo vệ môi trường và xử lý rác thải, chương trình Cleanup day
- Xây dựng các cơ sở hạ tầng như mở đường, san lấp mặt bằng lấn biển, xây dựng bến bãi cầu cảng, xây dựng các công trình phục vụ dân sinh... tại khu vực lân cận di tích, hoặc thậm chí trong phạm vi bảo vệ của các di tích đã và đang diễn ra với mức độ ngày càng lớn, gây ảnh hưởng đến môi trường di tích ở các cấp độ khác nhau.

TTX tại DHNTB

Áp dụng công nghệ sạch xử lý rác thải trong khu du lịch



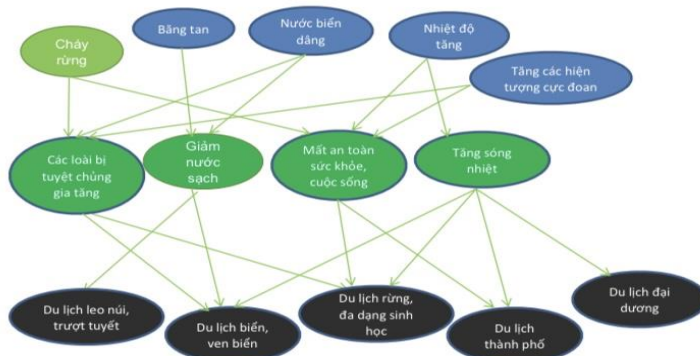
Xử lý nước thải

Bảo vệ MT

Năng lượng sạch



Ứng phó với BĐKH



Vùng duyên hải Nam Trung Bộ có hệ thống tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn đa dạng, đặc sắc như tài nguyên du lịch biển đảo, hệ động thực vật, các di sản văn hóa thế giới, di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ; các lễ hội văn hóa dân gian; ca múa nhạc; ẩm thực; làng nghề thủ công truyền thống; các bảo tàng và văn hóa nghệ thuật...

Tuy nhiên, biến đổi khí hậu đang có nguy cơ gây ra rủi ro cao cho khai thác tiềm năng du lịch và ảnh hưởng bất lợi lâu dài đối với ngành du lịch. Do đó, để có thể phát huy được hệ thống tài nguyên du lịch của vùng một cách đồng bộ, bền vững dựa trên những thế mạnh và giá trị đặc sắc của từng địa phương cần có định hướng trong việc quản lý và khai thác tài nguyên du lịch của vùng, ứng phó với tác động của BĐKH.

HÌNH 6 >>>

Nguy cơ đối mặt với rủi ro từ các ngành kinh tế mũi nhọn ở ven biển VN

Giá trị sản xuất trung bình hàng năm gặp rủi ro do lũ ven biển và sóng (tính bằng triệu đô la Mỹ)

Tỉnh/TP	Nông nghiệp		Nuôi trồng thủy sản		Du lịch		Công nghiệp	
	Lũ ven biển	Sóng	Lũ ven biển	Sóng	Lũ ven biển	Sóng	Lũ ven biển	Sóng
ĐÔNG BẮC	1,6	0,6	---	---	16,7	10,2	28,3	0,8
Quảng Ninh	2,9	0,1	2,4	0,1	0,5	0,9	14,2	0,4
Hải Phòng	4,9	0,3	5,5	0,3	1,2	0,1	1,1	0,1
Thái Bình	5,6	0,3	4,1	0,2	0,8	0,0	1,4	1,4
Nam Định	3,9	0,1	1,5	0,1	25,3	0,9	2,4	2,0
DUYÊN HẢI BẮC	2,7	2,2	---	---	4,0	3,3	5,9	7,7
Thanh Hóa	2,1	1,8	---	---	3,2	2,6	3,8	9,0
Hà Tĩnh	1,9	0,9	---	---	1,1	1,5	4,5	11,8
Quảng Bình	0,7	2,1	---	---	0,6	2,3	1,1	1,4
Quảng Trị	0,2	1,8	---	---	0,7	2,9	0,8	0,1
Thừa Thiên-Huế	0,8	1,7	---	---	10,6	41,9	1,0	1,0
DUYÊN HẢI NAM	0,9	0,3	---	---	7,3	60,5	4,6	2,4
Đà Nẵng	0,9	3,2	---	---	14,4	44,1	1,5	2,9
Quảng Nam	0,1	2,4	---	---	0,4	7,7	8,2	0,9
Bình Định	0,1	1,8	---	---	0,5	14,4	2,7	0,7
Phước Yên	0,0	0,9	---	---	1,1	7,9	0,3	0,0
Khánh Hòa	0,1	1,5	---	---	4,5	25,2	0,8	0,9
Ninh Thuận	0,0	0,8	---	---	0,8	5,6	0,2	0,1
Bình Thuận	0,0	2,7	---	---	12,1	41,0	0,4	0,8
ĐÔNG NAM BỘ	0,1	0,3	---	---	14,7	15,7	2,4	0,1
Bà Rịa-Vũng Tàu	0,8	0,1	---	---	10,0	10,8	3,3	13,7
TP Hồ Chí Minh	---	---	---	---	---	---	---	---
ĐB SÔNG CỬU LONG	3,3	0,4	5,2	0,6	2,1	3,5	0,2	0,1
Tiền Giang	5,9	0,5	24,7	11,9	2,8	2,5	0,1	0,0
Bến Tre	0,2	0,2	7,6	4,7	1,1	0,7	0,0	0,0
Sóc Trăng	1,9	0,6	6,9	8,6	0,0	0,3	0,0	0,0
Bạc Liêu	2,0	0,1	13,0	10,0	0,1	0,1	0,0	0,0
Cà Mau	0,0	0,1	4,6	10,6	0,0	1,1	0,0	0,1
Kiên Giang	1,2	2,0	3,3	0,4	12,7	18,1	0,1	0,1
Khu vực ven biển Việt Nam	47,2	30,0	78,5	58,1	178,2	323,7	77,6	51,9

Trung bình giá trị rủi ro tính bằng hàng năm (triệu đô la Mỹ)

Nguồn: JAXA EORC 2018 (bản đồ sử dụng GIS), Open Street Map (sử dụng dữ liệu), Chương trình DRPI của Ngân hàng Thế giới, 2018 (sử dụng công nghệ, Simoes và cộng sự 2020 (sử dụng dữ liệu từ ven biển), và Pathon (sử dụng dữ liệu từ sông).¹

Lưu ý: Đối với số liệu của các ngành ngoại trừ công nghiệp, ước tính dựa trên đóng góp vào GDP. Đối với ngành công nghiệp, các ước tính được lấy từ Chương trình DRPI của Ngân hàng Thế giới (2016). Đối với nuôi trồng thủy sản, dữ liệu về nuôi trồng thủy sản đã bị cắt bỏ và các tỉnh ở Đông bằng sông Hồng và sông Cửu Long, chiếm khoảng 98% sản lượng nuôi trồng thủy sản của nước.

RESILIENT SHORES

Tác động của biến đổi khí hậu đối với du lịch Vùng duyên hải Nam Trung bộ

Sử dụng năng lượng sạch

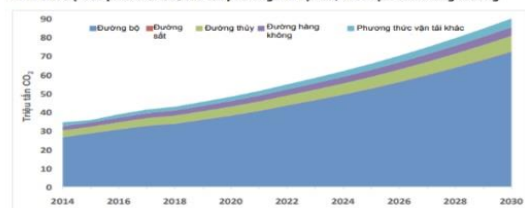
- Điện lưới quốc gia đến hầu hết các địa phương trong vùng, trừ một số đảo gần bờ như Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Phú Quý (Bình Thuận) và các đảo xa bờ như Hoàng Sa (Đà Nẵng) và Trường Sa (Khánh Hòa). T
- Thủy điện: Vùng tập trung nhiều nhà máy thủy điện lớn như A Vương (210 MW), sông Bung 2 (100 MW), sông Bung 4 (220 MW), sông Giăng (60 MW), Đăk Mi 1 (255 MW), Đăk Mi 4 (210 MW), sông Cơn 2 (60 MW), Sông Tranh 2 (135 MW) ở Quảng Nam; Đăk Đrinh (125 MW) ở Quảng Ngãi; An Khê (160 MW) ở Bình Định; sông Hinh (72 MW), sông Ba (2 x 110 MW) ở Phú Yên; Đa Nhim (160 MW) ở Ninh Thuận; Hàm Thuận (2x150MW), Đa Mi (2x87,5MW), Đại Ninh (300MW) ở Bình Thuận...
- Nghiên cứu, sản xuất thiết bị năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sản xuất, lắp ráp pin mặt trời; thiết bị điện gió tại Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận. Nhà máy Phong điện 1 Bình Thuận (Tuy Phong) 120MW, giai đoạn 1 là 30MW, nhà máy điện gió trên đảo Phú Quý công suất 6MW.
- Điện hạt nhân: Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận I và II với tổng công suất trên 4.000 MW.
- Sản xuất lắp ráp, thiết bị xử lý môi trường tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi;
- Trung tâm sản xuất phần mềm thương mại (Hệ Điều hành, phần mềm ứng dụng và tiện ích sử dụng) tại Đà Nẵng, Khánh Hòa...;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lĩnh vực công nghiệp điện tử, tin học và công nghệ thông tin tại ... Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Nha Trang (Quyết định số: 3447/QĐ-BCT, ngày 22 tháng 8 năm 2016, Phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thương mại vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035)

Sử dụng năng lượng sạch

- Vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ được đánh giá có tiềm năng rất tốt với tổng số giờ nắng khoảng từ 2000 giờ/năm đến 2500 giờ/năm và cường độ bức xạ mặt trời dao động trong khoảng từ 4,9 kWh/m²/ngày đến 5,7 kWh/m²/ngày. Với tiềm năng như vậy, Việt Nam có thể khai thác cho sản xuất điện năng từ năng lượng mặt trời ước tính khoảng 13.000 MW (theo đánh giá của GreenID). Cùng với năng lượng mặt trời, tiềm năng về năng lượng gió khá lớn, với đường biển trải dài khiến lưu lượng gió dồi dào, tổng tiềm năng ước đạt 513.360 MW.
- Năng lượng gió của Việt Nam được các chuyên gia đánh giá là có tiềm năng lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á, vượt qua Lào, Campuchia và Thái Lan.
- Trữ lượng gió của Việt Nam ước đạt 513.360 MW, hơn gấp 6 lần tổng công suất ước tính cho toàn ngành điện vào năm 2020 , trong đó Duyên hải miền Trung có tiềm năng dồi dào nhất.
- Các dự án điện mặt trời phân bố chủ yếu khu vực Nam Trung bộ, tỷ lệ tăng dần từ Quảng Ngãi vào đến Ninh Thuận, Bình Thuận. Vì vậy những năm qua, khu vực này chứng kiến làn sóng đầu tư mạnh vào điện gió.
- Tại khu vực Duyên hải Nam Trung bộ, các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận đề nghị bổ sung quy hoạch 10 dự án, tổng công suất 4.193 MW.
- Tỉnh Ninh Thuận đã cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 13 dự án điện gió, tổng công suất 678,33 MW; đã có 3 dự án đưa vào vận hành thương mại với tổng công suất 181 MW; các dự án còn lại đang triển khai các thủ tục đầu tư
- Việc hoàn thành và đưa vào sử dụng Trạm biến áp 500 kV và đường dây 220/500 kV kết hợp Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam 450 MW góp phần đưa Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của quốc gia.
- Sử dụng năng lượng tái tạo và năng lượng tự nhiên: được triển khai tại các khu resort khá nhiều, có doanh nghiệp tự chủ được tuy nhiên do hạn chế về hạ tầng kỹ thuật và đường dây dẫn đến tình trạng chưa sử dụng hết tiềm năng và công suất thiết bị đầu tư. Việc nhận thức về sử dụng năng lượng bền vững vẫn ở mức hạn chế và không đồng đều cả về mặt tích cực và hạn chế trong quá trình vận hành.
- Mối quan tâm trong việc phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh trong khu vực tập trung chủ yếu theo hướng giáo dục cộng đồng về bảo vệ môi trường, hướng dẫn sử dụng dịch vụ xanh.

Giảm phát thải

Hình E.2. Dự báo phát thải CO₂ của các phân ngành vận tải, theo kịch bản thông thường



Theo nghiên cứu, lượng khí thải CO₂ liên quan đến vận tải từ du lịch được dự báo sẽ tăng từ 1,597 triệu tấn lên 1,998 triệu tấn trong giai đoạn 2016-2030.

Phát thải giao thông liên quan đến du lịch chiếm 22% tổng lượng phát thải trong năm 2016, xu hướng sẽ tiếp tục đến năm 2030. Phát thải CO₂ liên quan đến giao thông vẫn là một thách thức lớn và đòi hỏi các ngành du lịch phải hợp tác chặt chẽ với các ngành vận tải trên toàn thế giới để hỗ trợ cam kết của mình nhằm đẩy nhanh quá trình khử cacbon.

Ngoài ra, ngành du lịch phải xác định kịch bản tham vọng cao của riêng mình, bổ sung cho những nỗ lực của ngành giao thông, chẳng hạn như bằng cách giảm đáng kể sự gia tăng từ khí thải, cho phép tăng cường tham vọng trong các mục tiêu khí hậu quốc tế.

Các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn 2021 - 2030 được xác định cho các lĩnh vực như sau:

Lĩnh vực năng lượng: Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong sản xuất và sử dụng năng lượng trong các phân ngành công nghiệp năng lượng; sản xuất công nghiệp và xây dựng; giao thông vận tải; gia dụng, nông nghiệp và dịch vụ thương mại.

Lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua ứng dụng các giải pháp quản lý, công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi; cải thiện khẩu phần ăn cho vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng; thay đổi phương thức sử dụng đất; công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp: Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính trong quản lý đất rừng, đất trồng trọt, đất đồng cỏ, đất ngập nước và các loại đất khác và phát triển các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon, bảo tồn đất.

Lĩnh vực quản lý chất thải: Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua quản lý, phát triển và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn đặc thù nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính.

Lĩnh vực các quá trình công nghiệp: Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hoá chất và quản lý việc tiêu thụ các chất HFCs.

Sử dụng tài nguyên nước và quản lý nước thải

Nguồn nước mặt: Với diện tích lớn, vùng ĐHNTB có nhiều sông lớn nhỏ như sông Hàn, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Côn, sông Ba, sông Hinh..., nhiều hồ chứa nước đa chức năng tự nhiên và nhân tạo như Phú Ninh, Thạch Nham, Định Bình, Núi Một... Hệ thống sông được hình thành và đi qua hầu hết các tỉnh. Đây là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trong đó có du lịch. Tuy nhiên lưu lượng nước trên các sông phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Bên cạnh đó, hệ thống thủy điện đầu nguồn cũng ảnh hưởng đến nguồn nước mặt. Vào mùa khô hạn (từ tháng 1 đến tháng 8) nước rất khan hiếm, khả năng cung cấp nước sạch có khó khăn hơn.

Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm tuy chưa có khảo sát đánh giá kỹ thuật nhưng qua đánh giá địa chất thủy văn vùng ven biển Nam Trung Bộ cũng có nhiều khả năng với trữ lượng khá.

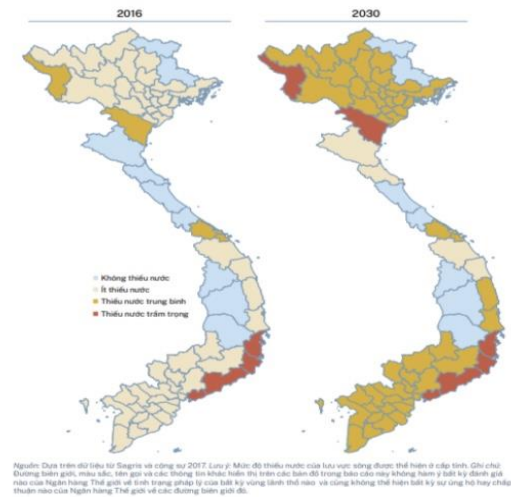
Mạng cấp nước và vệ sinh môi trường: Mạng lưới cấp nước của các thành phố đã quá cũ, số lượng các trạm phân phối chưa đủ, đến nay chỉ có thành phố Đà Nẵng mới được cải tạo một phần nhưng chưa được cải thiện nhiều.

Ngoài nguồn cung cấp nước, chất lượng nước cũng là một vấn đề cần lưu ý. Nguồn nước mặt có nguy cơ bị ô nhiễm do các hoạt động dân sinh hoặc do sự phát triển của KT-XH.

Quỹ Khí hậu Xanh hỗ trợ Việt Nam trong việc chống chịu với biến đổi khí hậu (GCF) đã phê duyệt khoản viện trợ không hoàn lại 30,2 triệu USD cho Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ trước tình trạng mất an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam" (SACCR).

HÌNH 5.14 >>

Những thay đổi về kinh tế xã hội và khí hậu sẽ làm tăng mức độ thiếu nước của mùa khô chỉ số khai thác nước mùa khô năm 2016 và 2030, theo trình



Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển sinh thái biển

"Cách tiếp cận nóng trong khai thác tài nguyên biển đang là hiện tượng phổ biến ở các lĩnh vực kinh tế biển. Điều này làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn lợi ích và tranh chấp không gian trong sử dụng đa ngành tài nguyên và bảo vệ môi trường ở cùng một vùng ven biển, biển và đảo", PGS Nguyễn Chu Hồi

(<https://nongluongasachvietnam.vn/ds/vi-VN/news/Tai-nguyen-bien-Nam-Trung-Ba-dang-bi-khai-thac-qua-muc-178-3938>, ngày truy cập 18/9/2021)

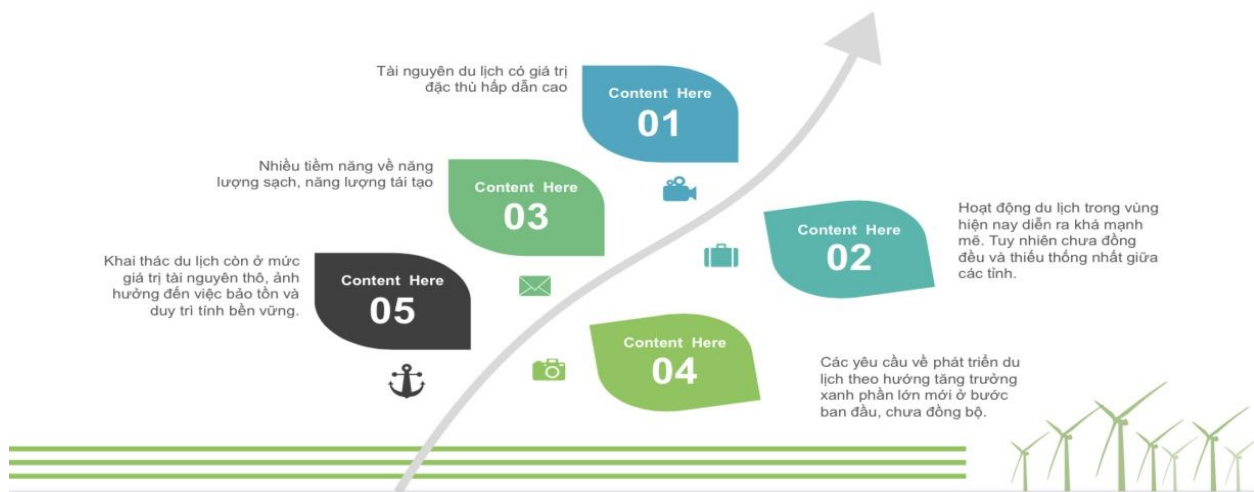
- Về du lịch biển, vấn đề môi trường đang là thách thức lớn: Biển bị ô nhiễm nghiêm trọng do chất thải, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển bị suy giảm, một số tài nguyên biển bị khai thác quá mức
- Hệ sinh thái san hô, thảm cỏ biển và nguồn lợi thủy sản dần mất đi do khai thác thủy sản mang tính tận diệt bằng chất nổ, chất độc hoặc lưới kéo.
- Việc neo đậu của ghe tàu khai thác của ngư dân, tàu du lịch làm hư hại các rạn san hô, không còn chỗ cho các loài thủy sản quần tụ, sinh sôi
- Chất lượng nước ven bờ, đặc biệt là tại các vùng nước cửa sông, bến cảng, các khu đô thị và dân cư ven biển đang ô nhiễm. Hiện tượng bồi lấp và xói lở tại nhiều vùng cửa sông, ven biển và các khu vực cảng khá nghiêm trọng, làm thay đổi các hệ sinh thái ven biển...

Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong phát triển du lịch

- Ứng dụng trong hệ thống nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng xanh hướng tới tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng, đồng thời giảm thiểu phát thải ra môi trường.
- Đặc biệt, với định hướng phát triển du lịch cộng đồng, công nghệ sạch và công nghệ cao đã bắt đầu được đưa vào nông nghiệp nhằm phát triển loại hình du lịch nông nghiệp cao.
- Các yếu tố tăng trưởng xanh được đề cập lồng ghép trong các vấn đề phát triển bền vững và ứng dụng khoa học và công nghệ.



Đánh giá chung



Mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX Vùng DHNTB

Mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX Vùng DHNTB

NỘI DUNG

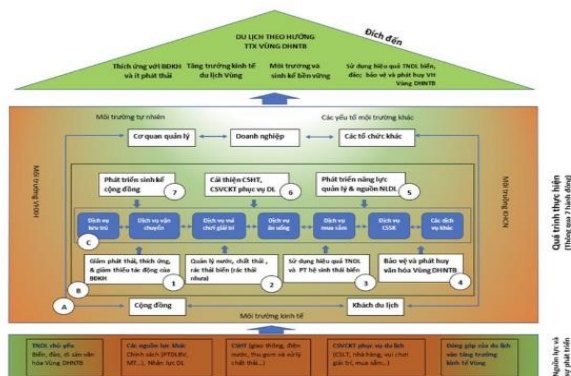
- 01 Cơ sở đề xuất mô hình
- 02 Giới thiệu mô hình
- 03 Chỉ số gia tăng về kinh tế
- 04 Chỉ số gia tăng về văn hóa, xã hội



Cơ sở đề xuất mô hình

- Các khái niệm, nội hàm về kinh tế xanh, du lịch xanh, phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh...
- Thực trạng và định hướng phát triển du lịch vùng DHNTB
- Các mô hình, cách thức chuyển đổi nền kinh tế nâu sang nền kinh tế xanh; các mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (hoặc tương tự) trong và ngoài nước đã đề xuất.
- Đặc điểm của vùng nghiên cứu

Mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX Vùng DHNTB



- Mô hình được thể hiện theo lớp, trong đó:
 - Lớp (A) là lớp ngoài cùng, thể hiện vai trò của các bên tham gia trong mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh;
 - Lớp (B) thể hiện các hành động chính để thực hiện quá trình chuyển đổi cách thức phát triển du lịch từ hiện tại để đạt được du lịch xanh.
 - Lớp (C) thể hiện chuỗi cung ứng hay các dịch vụ du lịch điển hình vùng DHNTB, là các đối tượng chịu tác động của các hành động chính để thực hiện quá trình chuyển đổi cách thức phát triển du lịch từ hiện tại để đạt được du lịch xanh.

Mục tiêu cuối cùng phải đạt được, đó chính là du lịch tăng trưởng xanh với đặc điểm thích ứng với biến đổi khí hậu, ít phát thải các-bon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa của vùng.



Áp dụng thử mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX cho khu du lịch
Vịnh Xuân Đài – Phú Yên



Giới thiệu chung về Vịnh Xuân Đài

Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài thuộc địa bàn thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An, nằm cách thành phố Tuy Hòa khoảng 45 km về phía Bắc, cách Quy Nhơn 50 km về phía Nam, có ranh được xác định cụ thể:

- Phía Bắc gồm toàn bộ bán đảo Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu
- Phía Đông giáp biển
- Phía Tây lấy quốc lộ 1A làm ranh giới, từ khu vực Gành Đỏ (phường Xuân Đài) đến hết phường Xuân Yên thuộc thị xã Sông Cầu.
- Phía Nam tuyến đường bộ ven biển làm ranh giới, bao gồm các xã An Ninh Đông và An Ninh Tây (huyện Tuy An) giáp với thị xã Sông Cầu.

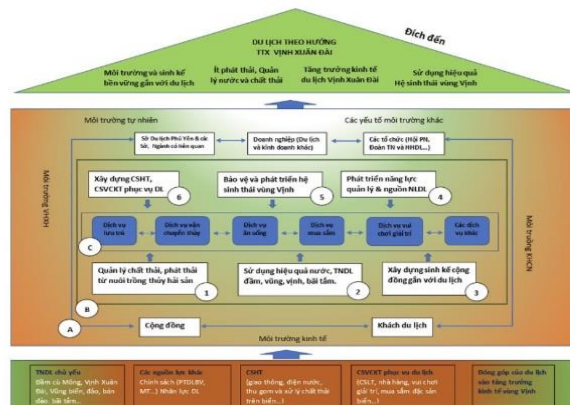
Quy mô Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài khoảng 6.100 ha (chưa bao gồm diện tích mặt nước). Trong đó, vùng lõi tập trung phát triển Khu du lịch khoảng 1.200 ha. Mặt vịnh có diện tích khoảng 13.000 ha là cảnh quan nổi bật nhất và không gian cơ bản để tổ chức phát triển các hoạt động du lịch trên vịnh

Vịnh xuân Đài

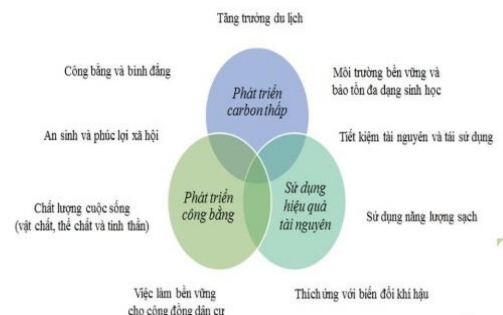


Simple Presentation

Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh Vịnh Xuân Đài



Mục tiêu đạt được của mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh của khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài



Một số kết luận trong việc áp dụng mô hình tại Vịnh Xuân Đài

- Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài về cơ bản hội tụ tương đối đầy đủ những điều kiện cần thiết để áp dụng mô hình lý thuyết vào thực tiễn
- Riêng đối với các tiêu chí và tiêu chuẩn, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có bộ tiêu chí tiêu chuẩn về tăng trưởng xanh cho ngành du lịch ở quy mô quốc gia, cũng như quy mô vùng hay địa phương
- Một số yếu tố cấu thành trong các hợp phần lớn của mô hình, đối với khu du lịch Vịnh Xuân Đài đến nay chưa được hình thành hay xác định một cách rõ ràng
- Tuy nhiên, nhìn chung các hợp phần lớn của mô hình thí điểm và đa phần những yếu tố cấu thành trong các hợp phần lớn này cũng đã được xác định về cơ bản

Báo cáo ban đầu về việc áp dụng thử tại khu vực Vịnh Xuân Đài



Báo cáo ban đầu về việc áp dụng thử tại khu vực Vịnh Xuân Đài

Một số định hướng giải pháp hoàn thiện mô hình và triển khai trong thực tế

Giải pháp về hoàn thiện mô hình theo hướng sản xuất và tiêu dùng du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính

Giải pháp nhằm xanh hóa các hoạt động và dịch vụ du lịch thông qua thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ xanh, sạch, bảo vệ tài nguyên

Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình và nhân rộng ra toàn vùng nghiên cứu (Các công cụ kinh tế, xây dựng và thực hiện các chỉ số sinh thái...)

Giải pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên

Giải pháp về cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng DHNTB

Áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm xây dựng thương hiệu, quảng bá xúc tiến và phân phối theo hướng tăng trưởng xanh vùng DHNTB

Liên kết hợp tác triển khai mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX Vùng DHNTB

**DU LỊCH GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

PGS.TS Nguyễn Phụng Lê

**DU LỊCH GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VÙNG
DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

NGUYỄN PHỤNG LÊ
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

NỘI DUNG

1. Lý thuyết về phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh
 - a. Du lịch sinh thái
 - b. Du lịch bền vững
 - c. Du lịch xanh
2. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh
3. Chính sách về phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh
4. Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở DHNTB
 - a. Một số mô hình thành công
 - b. Những vấn đề đặt ra

Lý thuyết về du lịch gắn với tăng trưởng xanh

01 Du lịch sinh thái

02 Du lịch bền vững

03 Du lịch xanh

Du lịch sinh thái (DLST)

- Khái niệm DLST xuất hiện trên thế giới từ cuối những năm 1980s, đầu năm 1990s
- Ở Việt Nam khái niệm DLST được đưa ra năm 1999 trong khuôn khổ hội thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST”
- Từ đó đến nay đã có rất nhiều khái niệm khác nhau về DLST
- Tựu chung lại, DLST được hiểu là:
“hình thức du lịch thiên nhiên có mức độ giáo dục cao về sinh thái và môi trường có tác động tích cực đến việc bảo vệ môi trường và văn hóa, đảm bảo mang lại các lợi ích về tài chính cho cộng đồng địa phương và có đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn”

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào cảnh quan tự nhiên, cảnh quan nhân tạo - tự nhiên, cảnh quan tự nhiên – nhân tạo và văn hóa, gắn với giáo dục môi trường; đóng góp cho công tác bảo tồn; đồng thời phổ biến một số kiến thức cơ bản về sinh thái học cho nhiều đối tượng khác nhau ở nhiều mức độ khác nhau.

Du lịch bền vững

- Khái niệm DLBV xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1992
- Xu hướng phát triển DLBV trên thế giới được bùng nổ vào những năm 2000, và nở rộ vào giai đoạn 2010 – 2016
- Việt Nam chú trọng phát triển DLBV từ 2012, sau quyết định số 2473/2011/TTg

- Du lịch bền vững là du lịch giảm thiểu các chi phí và nâng cao tối đa các lợi ích của du lịch cho môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương và có thể được thực hiện lâu dài nhưng không ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi mà nó phụ thuộc vào;
- Khoản 14, Điều 3 của Luật Du lịch 2017, Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về **kinh tế – văn hóa xã hội và môi trường**, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai.

Du lịch xanh

- Đầu những năm 2000, nhiều tổ chức quốc tế và quốc gia trên thế giới đề xuất ý tưởng về “tăng trưởng xanh”
- 5/2009: diễn đàn xanh toàn cầu lần thứ nhất được tổ chức, các nước Đông Á và ĐNA theo đuổi chiến lược xanh
- Việt Nam: chiến lược tăng trưởng xanh được ban hành năm 2012, trong đó có lĩnh vực du lịch
Du lịch xanh được định nghĩa là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và PTBV, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.



Tiêu chí đo lường DLST, DLBV, Du lịch xanh

DLST	DLBV	Du lịch xanh
Cơ sở nghỉ dưỡng bền vững (ISO 21401) Lễ hội ISO 20121 Hoạt động lặn biển ISO 21416 Du lịch đường bộ ISO 18065 Các cuộc thám hiểm bền vững ISO 20611	- Quản lý hiệu quả và bền vững - Gia tăng lợi ích kinh tế xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương - Gia tăng lợi ích đối với các di sản văn hóa và giảm nhẹ các tác động tiêu cực - Gia tăng lợi ích môi trường và giảm nhẹ tác động tiêu cực	Sản phẩm du lịch xanh là cốt lõi: - Tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường; - Đem đến những giải pháp an toàn đối với môi trường và sức khỏe; - Giảm tác động đến môi trường trong quá trình sử dụng; - Tạo ra một môi trường thân thiện và an toàn đối với sức khỏe (Dịch vụ, sản phẩm du lịch như tour du lịch, sản phẩm, dịch vụ của khách sạn, nhà hàng)

Kinh nghiệm quốc tế phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh

Hàn Quốc:

- Mô hình tăng trưởng xanh được chú trọng từ chính sách ở Hàn Quốc từ năm 2012
- Về lĩnh vực du lịch: Hàn Quốc chú trọng đến chương trình DL dựa vào thiên nhiên và văn hóa truyền thống; Cung cấp thông tin; Xây dựng cơ sở hạ tầng; Quảng bá
- Mô hình du lịch xanh điển hình ở Hàn Quốc:
 - + Xây dựng các con đường dành riêng cho xe đạp ven sông
 - + Phát triển và vận hành “Nét đẹp của sự chậm”, “Thành phố chậm”
 - + Chính phủ hỗ trợ xây dựng 10 mô hình du lịch xanh, du lịch sinh thái
 - + Dự án kiến tạo nhận thức và phát triển đường mòn sinh thái
 - + Xây dựng khu đô thị xanh

Kinh nghiệm quốc tế phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh

Thái Lan: Phát triển du lịch xanh được dựa trên 7 khái niệm Xanh:

- Tâm Xanh - kêu gọi khách du lịch nâng cao nhận thức về du lịch có trách nhiệm với MT&XH;
- Vận chuyển Xanh - khuyến khích sử dụng phương tiện vận chuyển thân thiện với MT;
- Điểm đến Xanh - điểm du lịch được quản lý theo nguyên tắc có trách nhiệm và BVMT;
- Cộng đồng Xanh - hỗ trợ loại hình du lịch cộng đồng ở cả thành thị và nông thôn gắn với BVMT, truyền thống và lối sống địa phương;
- Hoạt động Xanh - thúc đẩy các hoạt động du lịch phù hợp với cộng đồng và có sự tham gia của cộng đồng địa phương;
- Dịch vụ Xanh - kêu gọi các bên liên quan cung cấp dịch vụ du lịch tạo ấn tượng và truyền cảm hứng mạnh mẽ thông qua việc thể hiện sự tôn trọng, quan tâm và BVMT;
- Phương pháp tiếp cận Xanh vượt trội - khuyến khích doanh nghiệp tăng cường trách nhiệm xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh

Thái Lan: Mô hình du lịch xanh điển hình

- **Du lịch sinh thái:** 79 vườn quốc gia cùng với nhiều khu bảo tồn thiên nhiên (Ramsar); công viên với nhiều loại thú quý hiếm; du lịch sinh thái với du lịch tâm linh; kết hợp du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm (trekking); lặn và tham quan dưới nước; khám phá hang động...
- **Du lịch nông nghiệp:** trồng lúa, trồng hoa, rau quả và chăn nuôi, kết hợp với du lịch "homestay"
- **Du lịch làng nghề truyền thống**



Kinh nghiệm quốc tế phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh

Singapore:

- Chiến lược: Phát triển DLBV gắn với hoạt động xử lý, tái chế và giảm thiểu chất thải

- Các mô hình du lịch xanh:

+ Đảo nhân tạo: Semakau

+ Thành phố giữa thiên nhiên: Jurong Lake Gardens, Forest

Ramble, Clusia Jurong Bird Park, Mandai Precinct

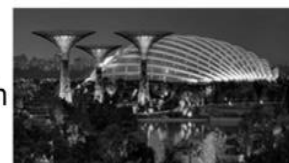
+ NEWater Visitor Centre

- Bài học:

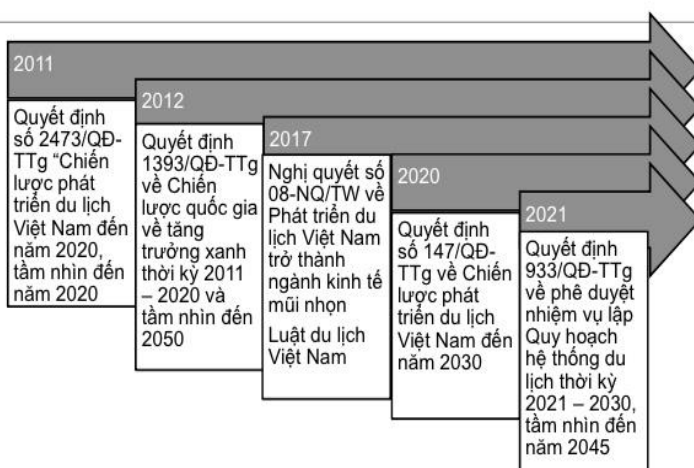
+ Xây dựng mô hình du lịch xanh

+ Xử lý và tái chế chất thải

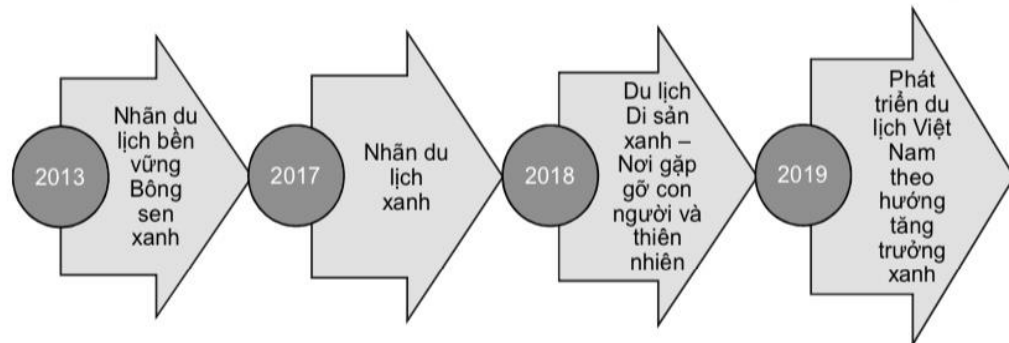
+ Xác định quy mô du khách/thời điểm/điểm du lịch



Chính sách phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh



Chính sách phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Đà Nẵng:

- Đề án đưa Đà Nẵng hướng tới tăng trưởng xanh, trong đó có phát triển dịch vụ DLST
- Nhiều khu du lịch (KDL) sinh thái được hình thành: Suối Hoa, Ngầm Đôi, Núi Thần Tài, Hòa Phú Thành, Tiên Sa, bán đảo Sơn Trà...
- Xây dựng khách sạn không gian xanh
- Chiến lược: khai thác du lịch gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên sẽ phát triển các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường, góp phần giảm thiểu tác động đến cảnh quan thiên nhiên, nhằm xây dựng, phát triển du lịch an toàn và bền vững.



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Quảng Nam:

- UBND tỉnh Quảng Nam vừa ban hành Kế hoạch số 5177 về phát triển du lịch xanh Quảng Nam đến năm 2025
- Mục tiêu: Xây dựng 1 mô hình DL xanh/năm; đến 2025 xây dựng được 10-20 MH; Nâng cao chất lượng nhân lực cho phát triển du lịch xanh
- Mô hình du lịch xanh điển hình ở Quảng Nam: KyBiMo Garden; Khu nông nghiệp CNC VinEco
- Du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với tiêu thụ sản phẩm OCOP (trồng rau, xay cà phê, đan chiếu)
- Farmstay



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Quảng Ngãi

- Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND và Đề án phát triển dịch vụ, du lịch đến năm 2020 theo Quyết định số 577/2017/QĐ-UBND
- Tập trung phát triển DLCĐ và DL xanh ở 4 huyện **Bình Sơn, Nghĩa Hành, Lý Sơn và Ba tư**
- Mô hình điển hình: biển đảo, homestay, trải nghiệm văn hóa bản địa...



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Bình Định:

- Tài nguyên du lịch rất đa dạng: bờ biển dài, đẹp; phong cảnh; truyền thống lịch sử; nghệ thuật dân gian
- Mục tiêu: xây dựng Bình Định (Quy Nhơn) thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao
- Mô hình du lịch xanh điển hình:
 - + Lặn biển, ngắm san hô
 - + DLCĐ, DLSH làng nghề
 - + Du lịch sức khỏe



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Phú Yên:

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025
- Mục tiêu phát triển DLBV, du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch hướng về cội nguồn, thiên nhiên, không phát triển nóng
- Xây dựng thương hiệu du lịch: “Phú Yên - Điểm đến hấp dẫn và thân thiện”
- Mô hình DL xanh điển hình:
 - + Du lịch nông nghiệp
 - + Khu đô thị du lịch năng lượng xanh
 - + Du lịch thám hiểm



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Khánh Hòa:

- DL xanh đã mạnh mẽ hình thành hơn 10 năm trở lại đây
- Một số khách sạn và tour du lịch đã áp dụng tiêu chí DL xanh trong cung cấp dịch vụ và sản phẩm
- Mô hình du lịch xanh:
 - + Du lịch cộng đồng
 - + Du lịch vườn sinh thái
 - + Công viên rác thải
 - + Vườn hoa rác thải



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Ninh Thuận:

- Định hướng phát triển Ninh Thuận theo mô hình kinh tế xanh và sạch, xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao
- Mô hình du lịch điển hình:
 - + DLCĐ: Tháp Chàm farm; Làng bích họa; Làng nghề; Trải nghiệm
 - + DLST: các KDL sinh thái quy mô lớn; vườn quốc gia
 - + Du lịch nông nghiệp



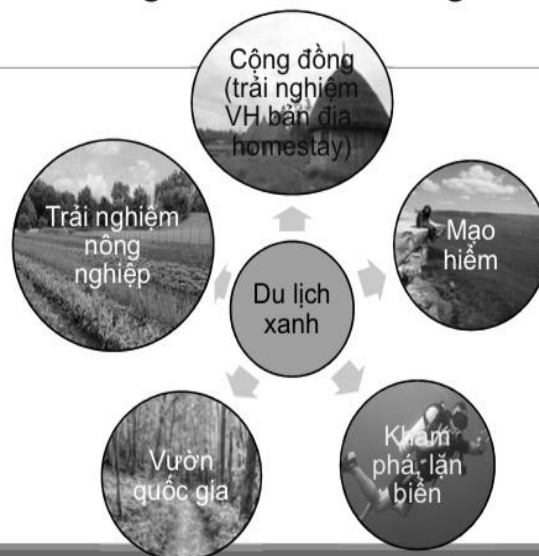
Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Bình Thuận:

- Chiến lược phát triển DL theo hướng xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, lành mạnh và văn minh; “Mỗi người dân Bình Định là một đại sứ du lịch”
- Mô hình du lịch xanh điển hình:
 - + Du lịch trải nghiệm nông nghiệp
 - + Du lịch mạo hiểm
 - + Du lịch văn hóa – sinh thái



Mô hình du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ



Vấn đề đặt ra cho phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

- Mạnh mún, tự phát, thiếu quy hoạch, thiếu định hướng, chưa theo tiêu chuẩn DL xanh? DL sinh thái? DL bền vững?
- Chưa có kết nối tour – tuyến một cách chuyên nghiệp, sự liên kết của các DNDL lữ hành với các điểm du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch làng nghề thiếu chặt chẽ
- Sản phẩm du lịch đơn điệu, chưa gắn phát triển du lịch với tiêu thụ các sản phẩm địa phương (OCOP), chưa tạo ra GTGT cho cả hoạt động du lịch và các hoạt động kinh tế khác (nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp)
- Hạ tầng phục vụ phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh thiếu và yếu (công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, xử lý và tái chế rác...)
- Nhận thức của người cung cấp dịch vụ du lịch và du khách chưa tương xứng

Vấn đề đặt ra cho phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh ở vùng DH Nam Trung Bộ

Nhận thức

Du lịch sinh thái? Du lịch bền vững? Du lịch xanh? Du lịch gắn với tăng trưởng xanh?

Du lịch xanh # Du lịch gắn với tăng trưởng xanh

Du lịch xanh € Phát triển xanh

Chính sách, cơ chế

Quy định quốc tế

Chính sách quốc gia

Chính sách ngành du lịch

Chiến lược địa phương

Tác nhân tham gia

Lãnh đạo địa phương

Cơ quan QLNN về du lịch

Tổ chức kinh doanh du lịch

Du khách

(1) Nhận thức

Hiện tại

- Chưa phân biệt rõ DLST? DLBV? DL xanh?
- Khái niệm DL xanh được xây dựng dựa trên khái niệm phát triển xanh
- Các tiêu chí đo lường DL xanh mới tập trung vào các DN (khách sạn, điểm đến, vận chuyển)
- Chưa có tiêu chí xác định hiệu quả DL xanh

Cần thay đổi

- Phân biệt rõ DLST, DL các-bon thấp, DLBV, DL xanh
- DL xanh = kinh tế + xã hội + văn hóa + môi trường + sinh thái + nguồn lực khác
- Đánh giá hiệu quả DL xanh dựa trên tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển xanh (GDE) = Kết quả đầu ra/lượng đầu vào sử dụng hay lượng chất thải ra MT
- Nghiên cứu nhận thức, hành vi, khả năng sẵn lòng chi trả của du khách cho DVDL xanh

(2) Chiến lược phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh

Địa phương

- Xây dựng chiến lược phát triển DL gắn với chiến lược tăng trưởng/phát triển xanh của địa phương
- Quy hoạch phát triển du lịch theo hướng gắn với tăng trưởng xanh
- Hỗ trợ, thu hút đầu tư, xúc tiến/quảng bá du lịch xanh
- Phát triển cơ sở hạ tầng
- Nâng cao nhận thức cho cả tổ chức cung cấp DVDL và du khách
- Thực hiện tốt việc thanh tra, kiểm tra

Ngành du lịch

- Bổ sung tiêu chí giới hạn số lượng du khách/điểm hay KDL, tránh tình trạng quá tải trong khai thác tài nguyên DL

TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

ThS. Nguyễn Đức Tâm

Chuyên gia nghiên cứu độc lập

TÓM TẮT

Tham luận Đề xuất tiêu chí cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ là trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ “Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ” do Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thực hiện. Trong Tham luận khái niệm thuật ngữ tiêu chí và một số thuật ngữ có liên quan khác như chỉ số, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, v.v...được trình bày nhằm thống nhất cách hiểu và phạm vi áp dụng.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh” do Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thực hiện năm 2019 – 2020 và các đặc điểm của phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Tham luận đề xuất 07 tiêu chí cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ bao gồm:

1. Quản lý chất thải rắn
2. Quản lý rác thải biển đặc biệt là rác thải nhựa
3. Sử dụng tài nguyên nước và quản lý nước thải
4. Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu
5. Sử dụng năng lượng tái tạo
6. Bảo tồn đa dạng sinh học
7. Bảo vệ và phát triển sinh thái biển

Trong đó 04 tiêu chí có hệ số ưu tiên 2 là Quản lý chất thải rắn; Quản lý rác thải biển đặc biệt là rác thải nhựa; Sử dụng tài nguyên nước và quản lý nước thải và Sử dụng tài nguyên nước và quản lý nước thải. Ba tiêu chí còn lại có hệ số ưu tiên 1.

Mỗi tiêu chí có gợi ý một số chỉ số làm thước đo. Chỉ số không thuộc phạm vi yêu cầu của Tham luận nên các chỉ số gợi ý trong Tham luận chỉ có tác dụng minh hoạt, tham khảo.

Tham luận đề xuất nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ số đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ theo các tiêu chí được phê duyệt, phương pháp thu thập, phân tích xử lý, lưu giữ số liệu và sử dụng kết quả theo Bộ chỉ số này cũng như một chương trình đào tạo sử dụng Bộ chỉ số cho các bên có liên quan.

MỞ ĐẦU

Trong nhiều thập kỷ qua các hoạt động kinh tế của con người, trong đó có hoạt động du lịch đã có nhiều phát triển mạnh mẽ, liên tục mở rộng cả về quy mô lẫn chất lượng. Những từ ngữ chỉ sự phát triển bùng nổ về kinh tế như “tăng trưởng thần kỳ”, “nền kinh tế hóa rồng, hóa hổ”, “phát triển GDP luôn ở mức hai con số” v.v...xuất hiện thường xuyên trên các phương tiện truyền thông đã phần nào nói lên mức độ phát triển kinh tế vũ bão đó. Không thể phủ nhận rằng sự phát triển kinh tế vũ bão đó đã cải thiện đáng kể đời sống của con người, đưa nhiều quốc gia thoát khỏi nghèo đói để trở thành nước có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế mạnh mẽ theo hướng lấy tăng trưởng kinh tế làm mục tiêu cao nhất đó cũng dần dần bộc lộ các yếu điểm chết người. Đó là tài nguyên cạn kiệt, môi trường suy thoái, đe dọa các thành quả kinh tế đạt được sau một thời gian dài phát triển nóng, không bền vững. Nhân loại dần nhận thức được rằng tăng trưởng kinh tế bền vững phải đi đôi với bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên. Khái niệm tăng trưởng xanh nhằm phát triển bền vững từ đó hình thành và ngày càng trở thành một xu thế phát triển tất yếu.

Phát triển du lịch không nằm ngoài xu thế nói trên. Nhằm hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, năm 2019 – 2020 Viện nghiên cứu và phát triển du lịch đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh”. Kết quả nghiên cứu đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiệm thu và chấp thuận. Bộ cũng tiếp tục giao Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thực hiện đề tài “Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ”. Khu vực Nam Trung bộ có diện tích tự nhiên 44.378km², dân số 9.185.300 (thống kê dân số 2015), bao gồm các tỉnh và thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Thế mạnh của du lịch khu vực Nam Trung bộ là du lịch biển đảo cùng với trải nghiệm văn hóa Champa, Di sản văn hóa thế giới được UNESCO (đô thị Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn), v.v...

Tham luận này trình bày đề xuất các tiêu chí cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh” do Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thực hiện năm 2019 – 2020 và các đặc điểm của du lịch khu vực duyên hải Nam Trung bộ. Chỉ số đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh không nằm trong phạm vi của Tham luận nhưng được đề cập làm ví dụ minh họa việc đo lường các tiêu chí được đề xuất. Tham luận cũng đề xuất mức độ ưu tiên của các tiêu chí cũng như phương pháp tính toán mức độ ưu tiên đó. Cuối cùng Tham luận nêu một số kiến nghị và giải pháp áp dụng các tiêu chí được đề xuất cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh sau khi tiêu chí được chấp thuận.

1. MỘT SỐ THUẬT NGỮ CƠ BẢN

Tham luận này trình bày đề xuất một số tiêu chí của phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh. Trong thực tế, thuật ngữ tiêu chí và một số thuật ngữ có liên quan khác (như chỉ số, chỉ tiêu, tiêu chuẩn, v.v..) thường được hiểu và sử dụng không rõ ràng hoặc theo nhiều cách khác nhau. Vì vậy việc thống nhất cách hiểu, định nghĩa các thuật ngữ này rõ ràng trước khi đề xuất, thảo luận về tiêu chí của phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là một nhu cầu cần thiết.

1.1 Tiêu chí (Criteria)

Theo Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê, tiêu chí là tính chất, dấu hiệu để dựa vào mà phân biệt một vật, một khái niệm, nhằm phê phán, tôn vinh, đánh giá.

Theo Từ điển Soha (tratu.soha.vn) tiêu chí là tính chất, dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, xếp loại một sự vật, một khái niệm

Như vậy có thể hiểu tiêu chí là các khía cạnh cần được cân nhắc, xem xét, đánh giá khi nghiên cứu về một đối tượng nào đó đó với mục đích nhận biết, đánh giá, so sánh đối tượng đó.

Ví dụ:

Tiêu chí đánh giá một cơ sở lưu trú/khách sạn là có thể là hạ tầng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, chất lượng dịch vụ. v.v...

Tiêu chí đánh giá một chương trình, dự án có thể là tính phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tính bền vững, tác động của dự án.

1.2 Chỉ số (Indicators)

Chỉ số là thước đo sự thay đổi. Chỉ số khác với tiêu chí. Nếu như tiêu chí chỉ ra khía cạnh cần xem xét thì chỉ số là thước đo dùng để cân đo đong đếm cụ thể của tiêu chí đó.

Ví dụ: Một trong các tiêu chí đánh giá một cơ sở lưu trú/khách sạn là hạ tầng cơ sở của khách sạn. Chỉ số của tiêu chí này có thể là tổng diện tích của cơ sở lưu trú, mật độ xây dựng, tỷ lệ khuôn viên cây xanh, hồ nước, số phòng, v.v...

Một chỉ số được coi là tốt cần thỏa mãn 5 tiêu chuẩn sau (thường gọi là tiêu chuẩn SMART):

Simple - Đơn giản: Chỉ số cần đơn giản, tránh dùng chỉ số phức tạp

Ví dụ: Chỉ số “Diện tích (tính bằng m²) có trồng cây xanh trên đầu người” là một chỉ số đơn giản, dễ tính. Chỉ số “Khối lượng cac-bon (tính bằng tấn) phát thải mỗi năm trên đầu người” là một chỉ số không đơn giản, thậm chí phức tạp, tính toán khó khăn.

Measurable –Đo lường được: Chỉ số không đo lường được thì không có giá trị.

Ví dụ: Chỉ số hàm lượng khí sunfur, ammoniac là đo lường được. Chỉ số mức độ mùi hôi thối (ở khu vực xả nước thải) là không đo lường được

Attributable – Có liên hệ chặt chẽ với yếu tố cần đo:

Ví dụ: Để đánh giá mức độ ô nhiễm của nước có thể dùng chỉ số “hàm lượng ô-xy trong nước” là chỉ số đạt tiêu chuẩn Attributable, vì hàm lượng ô-xy trong nước liên quan chặt chẽ đến mức độ ô nhiễm của nước. Trong khi đó, chỉ số Tỷ trọng của nước lại liên quan rất ít đến mức độ ô nhiễm. Nước sông Hồng có tỷ trọng cao là liên quan đến lượng phù sa trong nước chứ không liên quan đến mức độ ô nhiễm của nước sông.

Reliable – Đáng tin cậy, ổn định

Chỉ số nào cũng có sai số. Chỉ số đáng tin cậy là chỉ số có mức sai số như nhau qua các lần đo khác nhau.

Timely – Kịp thời

Chỉ số kịp thời là chỉ số có kết quả phục vụ kịp thời cho mục tiêu của chỉ số. Một chỉ số mà kết quả có được sau một thời gian dài đo lường, tính toán là một chỉ số không kịp thời.

1.3 Tiêu chuẩn (Standards)

Theo Từ điển Cambridge, tiêu chuẩn là mức độ chất lượng của một đối tượng.

Như trên đã nói, để đánh giá, xem xét một sự việc, một hiện tượng, một đối tượng, người ta cần xác định tiêu chí đánh giá trước, sau đó chọn chỉ số để đo lường theo các tiêu chí đó. Do đó có thể nói tiêu chuẩn là giá trị của các chỉ số dùng để đánh giá một đối tượng.

Ví dụ: Tiêu chuẩn khách sạn 5 sao

Ở một số tài liệu còn dùng thuật ngữ quy chuẩn (quy định về tiêu chuẩn).

Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt do Bộ TN-MT ban hành.

1.4 Chỉ tiêu (Targets)

Chỉ tiêu là một mức cụ thể cần đạt được cho một mục đích nào đó.

Ví dụ: Để cải thiện đời sống cho người lao động trong khu vực du lịch, Dự án xxx đã đặt chỉ tiêu “Đến năm 2025 thu nhập bình quân của lao động trong khu vực du lịch đạt 12.5 triệu đồng/người/tháng”.

Chỉ tiêu cũng cần thỏa mãn tiêu chuẩn SMART tuy hơi khác tiêu chuẩn SMART của chỉ số một chút:

Specific (Cụ thể)

Measurable (Đo lường được)

Achievable (Có thể đạt được)

Realistic (Thực tiễn)

Time-bound (Có khung thời gian)

2. TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Báo cáo kết quả đề tài "Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh" do Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thực hiện năm 2019 – 2020 có đề xuất Khung tiêu chí đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh gồm 6 tiêu chí như sau:

1. Giá trị gia tăng về kinh tế
2. Văn hóa – xã hội
3. Giảm phát thải khí nhà kính (thấp cac-bon)
4. Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước
5. Đổi mới sinh thái
6. Bảo vệ môi trường

Mỗi tiêu chí đi kèm 3 – 5 chỉ tiêu. Tổng số chỉ tiêu là 20.

Một mặt các tiêu chí nói trên thể hiện quá trình xây dựng công phu, thận trọng, phản ánh hầu hết các khía cạnh của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, từ hiệu quả kinh tế đến trách nhiệm xã hội, sử dụng tài nguyên, v.v... Các tiêu chí này tỏ ra khá phù hợp để đánh giá tổng thể một cá thể doanh nghiệp du lịch hoặc nhiều doanh nghiệp du lịch tại địa phương, khu vực, thậm chí của cả ngành du lịch toàn quốc. Tuy nhiên, mặt khác để đánh giá xu thế phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, các tiêu chí nói trên tỏ ra không hoàn toàn phù hợp. Xu thế phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh có trọng tâm là bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên để hướng tới phát triển bền vững. Các xu thế, hình thái phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch trước đây mặc dù đều coi trọng các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội mà bỏ qua vấn đề bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên. Tăng trưởng xanh chính là sửa chữa những thiếu sót đó. Tiêu chí để xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cần và chỉ nên tập trung vào khía cạnh bảo vệ và phát triển môi trường. Nói một cách chặt chẽ, bảo vệ và phát triển môi trường là bao gồm cả ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái và đa dạng sinh học, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, v.v...

Trên tinh thần đó và kế thừa kết quả nghiên cứu của Đề tài "Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh" (2019 – 2020) chúng tôi đề xuất 07 tiêu chí cho xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho khu vực duyên hải Nam Trung bộ như sau:

1. Quản lý chất thải rắn
2. Quản lý rác thải biển đặc biệt là rác thải nhựa
3. Sử dụng tài nguyên nước và quản lý nước thải

4. Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu
5. Sử dụng năng lượng tái tạo
6. Bảo tồn đa dạng sinh học
7. Bảo vệ và phát triển sinh thái biển

Dưới đây là một số thảo luận chi tiết cho từng tiêu chí và mức độ ưu tiên của các tiêu chí. Mặc dù chỉ số không phải là nội dung yêu cầu trong bản Tham luận này, tuy nhiên để giúp dễ hiểu hơn, tác giả có gợi ý một số chỉ số có thể xem xét làm thước đo cho mỗi tiêu chí. Các chỉ số nên dùng cùng một thang điểm (ví dụ thang 10 điểm hoặc thang 100 điểm. Sau đó sẽ tính tổng số điểm của các chỉ số đo lường mỗi tiêu chí. Mức độ ưu tiên của các tiêu chí sẽ thể hiện qua hệ số. Điểm của mỗi tiêu chí là tổng số điểm của các chỉ số nhân với hệ số.

2.1 Quản lý chất thải rắn

Chất thải rắn của các hoạt động du lịch là thuộc rác thải sinh hoạt, là một trong những nguồn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhất, bao gồm ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và cộng đồng, ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên (Trương thị Yến Nhi, 2021).

Đánh giá hiệu quả của quản lý chất thải rắn là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh. Đánh giá hiệu quả quản lý chất thải rắn là bao gồm từ thu gom, phân loại, vận chuyển tái sử dụng, công nghệ xử lý, v.v...

Gợi ý một số chỉ số đánh giá hiệu quả quản lý chất thải rắn trong hoạt động du lịch:

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom
- Tỷ lệ chất thải rắn được phân loại tại nguồn
- Tỷ lệ chất thải rắn được tái sử dụng
- v.v...

Hệ số ưu tiên của tiêu chí: 2

2.2 Quản lý rác thải biển đặc biệt là rác thải nhựa

Theo Dư Văn Toán, Nguyễn Thùy Vân (2021), “*rác thải biển là vật liệu rắn được sản xuất hoặc xử lý, sau đó thải bỏ vào môi trường biển và ven biển, trong đó, chất thải nhựa là thành phần chủ yếu. Trong hoạt động du lịch rác thải nhựa được thải ra từ khách du lịch và các cơ sở kinh doanh du lịch (cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống, cửa hàng tạp hóa, lưu niệm, tàu, thuyền tham quan, lưu trú trên biển, v.v..*”.

Rác thải biển, trong đó có rác thải nhựa là nguồn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nói chung và đối với môi trường biển tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ. Vì vậy cần có một tiêu chí riêng về quản lý rác thải biển, bao gồm cả rác thải nhựa.

Gợi ý một số chỉ số:

- Tỷ lệ thu gom
- Tỷ lệ phân loại tại nguồn
- Tỷ lệ tái sử dụng
- v.v..

Hệ số ưu tiên: 2

2.3 Sử dụng tài nguyên nước và quản lý nước thải

Tài nguyên nước là vô giá trong mọi hoạt động của con người, trong đó có hoạt động phát triển du lịch. Tài nguyên nước là quý giá nhưng không phải là vô tận. Vì vậy sử dụng hiệu quả tài nguyên nước phải là một tiêu chí trong xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh.

Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước luôn đi kèm với quản lý nước thải. Cùng với chất thải rắn và rác thải biển, nước thải không qua xử lý từ các hoạt động du lịch cũng là một nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường, trong đó có ô nhiễm nguồn nước.

Chỉ số gợi ý:

- Lượng nước sử dụng trên đầu du khách
- Công nghệ xử lý nước thải
- Tỷ lệ nước thải đạt tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt
- v.v..

Hệ số ưu tiên: 2

2.4 Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu

Nói một cách chặt chẽ, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu đều có liên quan đến quản lý chất thải (ví dụ việc đốt rác), sử dụng năng lượng tái tạo, v.v... nhằm bảo vệ và phát triển môi trường. Tuy nhiên, do ảnh hưởng ngày càng lớn của việc phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu nên lĩnh vực này cần được đề xuất tách thành một tiêu chí riêng trong xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng duyên hải Nam Trung bộ.

Việc giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, chủ yếu là cacbonic, có thể tính toán dựa trên tổng lượng khí cacbonic phát thải (do sử dụng năng lượng hóa thạch, đốt rác, v.v..) trừ lượng cacbonic được hấp thu (do trồng cây xanh, v.v..).

Thích ứng với biến đổi khí hậu có thể đánh giá thông qua xây dựng và thực hiện các biện pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu

Chỉ số gợi ý:

- Lượng khí cac-bon phát thải trên đầu khách du lịch
- Kế hoạch hành động nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu

- V.V...

Hệ số ưu tiên: 1

2.5 Sử dụng năng lượng tái tạo

Sử dụng năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời, năng lượng gió) là một xu thế hướng tới phát triển bền vững. Vùng Duyên hải Nam Trung bộ rất giàu tiềm năng để phát triển năng lượng tái tạo và thực tế nhiều có sở phát triển năng lượng gió, năng lượng mặt trời quy mô lớn, hiện đại đã được xây dựng và vận hành trong khu vực. Vì vậy tiêu chí về sử dụng năng lượng tái tạo là cần thiết trong xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực này.

Chỉ số gợi ý:

- Tỷ lệ năng lượng tái tạo được sử dụng

Hệ số ưu tiên: 1

2.6 Bảo tồn đa dạng sinh học

Theo Khoản 5 Điều 3, Luật đa dạng sinh học năm 2008, đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên; Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền.

Việt Nam là một trong những quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nhất thế giới. Hệ sinh thái đa dạng cung cấp nước sạch, giúp giữ đất, là vùng đệm chống bão và các cú sốc về khí hậu, đồng thời là cơ sở để phát triển các hoạt động kinh tế dựa vào thiên nhiên, trong đó có du lịch. Bảo tồn đa dạng sinh học là một thành tố quan trọng để đạt được phát triển bền vững. Vì vậy bảo tồn đa dạng sinh học cần phải là một trong các tiêu chí để xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh nói chung và của vùng duyên hải Nam Trung bộ nói riêng.

Chỉ số gợi ý:

- Số loài
- Số cá thể của mỗi loài
- V.V...

Hệ số ưu tiên: 1

2.7 Bảo vệ và phát triển sinh thái biển

Theo Wikipedia, hệ sinh thái biển là hệ sinh thái thủy sinh lớn nhất trên thế giới bao gồm đại dương, ruộng muối và hệ sinh thái bãi triều, cửa

sông và phá, thực vật ngập mặn và các rạn san hô ngầm, biển sâu và sinh vật đáy.

Việt Nam nói chung và vùng duyên hải Nam Trung bộ nói riêng có hệ sinh thái biển là rất phong phú, mang tính đa dạng sinh học và năng suất sinh học cao, mang lại đem lại nhiều lợi ích to lớn về kinh tế - xã hội, trong đó có ngành du lịch. Tiêu chí Bảo vệ và phát triển sinh thái biển là một trong các tiêu chí có hệ số ưu tiên cao (2) trong xây dựng, thực hiện và phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh của khu vực duyên hải Nam Trung bộ.

Chỉ số gợi ý:

- Diện tích các rặng san hô
- Đánh giá của khách du lịch
- V.v...

Hệ số ưu tiên: 2

3. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

3.1 Kết luận

1. Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là hướng tới phát triển bền vững với trọng tâm bảo vệ và phát triển môi trường.

2. Thuật ngữ tiêu chí và một số thuật ngữ khác có liên quan (như Chỉ số, Tiêu chuẩn, Chỉ tiêu, v.v...) cần được thống nhất về nội dung và phạm vi áp dụng

3. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc kết quả của Đề tài nghiên cứu cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh” (2019 – 2020) do Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch thực hiện, 07 tiêu chí được đề xuất cho xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ, gồm:

4. Mỗi tiêu chí có gợi ý một số chỉ số làm thước đo. Các chỉ số gợi ý không thuộc phạm vi yêu cầu của Tham luận nên chỉ có tác dụng minh hoạt, tham khảo. Các chỉ số cũng được khuyến nghị dùng thang điểm từ 0 đến 100 điểm.

5. Mức độ ưu tiên của mỗi tiêu chí được đánh giá bằng hệ số 1 và 2. Tổng số điểm của các chỉ số đo lường một tiêu chí nhân với hệ số sẽ cho số điểm của tiêu chí đó.

6. 04 tiêu chí có hệ số ưu tiên 2 gồm: Quản lý chất thải rắn; Quản lý rác thải biển đặc biệt là rác thải nhựa; Sử dụng tài nguyên nước và Quản lý nước thải; và Bảo vệ và phát triển sinh thái biển.

7. 03 tiêu chí có hệ số ưu tiên 1 gồm: Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu; Sử dụng năng lượng tái tạo và Bảo tồn đa dạng sinh học

3.2 Đề nghị

1. Sau khi thống nhất các tiêu chí xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung

bộ, cần xây dựng Bộ chỉ số đánh giá cho mỗi tiêu chí. Bộ chỉ số cần đạt các tiêu chuẩn SMART

2. Bộ chỉ số cần đi kèm phương pháp và công cụ thực hiện thu thập, phân tích, xử lý lưu giữ số liệu và sử dụng kết quả.

3. Để đánh giá hiệu quả thực hiện phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ cần xây dựng các chỉ tiêu cần đạt cho mỗi tiêu chí. Các chỉ tiêu này sẽ được sử dụng để theo dõi tiến độ thực hiện mô hình và đánh giá hiệu quả mô hình khi kết thúc.

4. Tất cả các nội dung Tiêu chí – Chỉ số - Chỉ tiêu cần được đào tạo cho các bên có liên quan đến xây dựng, thực hiện và đánh giá phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG*, (2008), QCVN 14: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
2. *BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG* (2021), Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam
3. *BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG* (2013), Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
4. *DƯ VĂN TOÁN, NGUYỄN THÙY VÂN* (2021), Ô nhiễm rác thải nhựa tại các khu du lịch biển. *Tạp chí Môi trường*, số 3/2021
5. *HOÀNG PHÊ*, Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng (2019)
6. *LÊ DUNG*, (2019) Bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững của du lịch. Tổng cục môi trường, Bộ TNMT.
7. *QUỐC HỘI NƯỚC CHXNCN VIỆT NAM* (2008), Luật đa dạng sinh học.
8. *TRUNG TUYẾN, LÊ HỒNG* (2021), Bảo vệ nguồn tài nguyên đa dạng sinh học. Báo Nhân dân, số ra ngày 4/6/2021
9. *TRƯƠNG THỊ YẾN NHI*, (2020), Ô nhiễm môi trường từ rác thải sinh hoạt và lợi ích của điện rác. Hội KHKT an toàn và vệ sinh lao động Việt Nam
10. Từ điển *tratu.soha.vn* online (2021), https://tratu.soha.vn/dict/vn_vn
11. Từ điển Cambridge online (2021), <https://dictionary.cambridge.org/vi/>
12. *VIỆN NC PT DU LỊCH* (2020), Báo cáo kết quả Đề tài NCKH cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh”.

**VẤN ĐỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ VIỆC LÀM
XANH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG
XANH TẠI KHU VỰC DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

ThS. Trần Xuân Mới,
Founder/CEO ATM Asia Co., Ltd

Ý tưởng về mô hình tăng trưởng xanh xuất hiện từ những năm 1970 của Thế kỷ 20. Trong khoảng hơn hai thập niên gần đây, tăng trưởng xanh được nhiều nước và các tổ chức trên thế giới quan tâm thúc đẩy phát triển và ứng dụng các sáng kiến tăng trưởng xanh vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường.

“Sáng kiến kinh tế xanh” với mục tiêu tăng cường hợp tác quốc tế ứng phó với khủng hoảng tài chính đi đôi với xử lý các vấn đề toàn cầu nhằm hướng tới phát triển bền vững của kinh tế thế giới đã được UNEP (Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc) phát động vào năm 2008. Năm 2009, OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế của Liên hợp quốc) đã phát hành ấn phẩm có đề cập đến tăng trưởng xanh.

Việt Nam đã bắt đầu triển khai về tăng trưởng xanh từ năm 2012. “Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050” đã xác định các nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược cụ thể là giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững.

Đồng thời, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã chỉ rõ vai trò của các bên tham gia vào thực hiện tăng trưởng xanh và lấy con người làm trọng tâm “Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội... phải do con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân”.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã khẳng định “tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững...”

Như vậy, tăng trưởng xanh là một giá trị cốt lõi của phát triển bền vững. Tăng trưởng xanh là quá trình phát triển có sự phối kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa các trụ cột kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường để đáp ứng nhu cầu của phát triển hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai.

Việt nam đã đánh giá 5 năm thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh. Nhiều kết quả tăng trưởng xanh đáng ghi nhận ở nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, thủy hải sản, giao thông, xây dựng, tiêu dùng... Nhiều địa phương đã thực hiện tăng trưởng xanh với kết quả đáng khích lệ như Đà Lạt, Hội An, Hải Phòng hay Hạ Long.

Lĩnh vực du lịch cũng như các lĩnh vực khác trong nhiều năm qua đã thực hiện tăng trưởng xanh thông qua việc áp dụng các chính sách về du lịch như du lịch có trách nhiệm, du lịch sinh thái, ứng dụng năng lượng xanh, ứng dụng tiêu chí bông sen xanh, giảm rác thải nhựa ra môi trường, áp dụng 3Rs trong kinh doanh...

Tuy nhiên, vấn đề đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực và việc làm xanh trong phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh còn khá mới ở Việt Nam nói chung và tại khu vực duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng. Trong thực tế, vấn đề chất lượng nguồn nhân lực lao động trong lĩnh vực du lịch đã và đang được sự quan tâm từ trung ương đến địa phương với sự tham gia của các sở ban ngành từ nhiều ngành nhiều cấp và đặc biệt là các doanh nghiệp. Nhiều chính sách để nâng cao chất lượng nguồn lực lao động du lịch thông qua đào tạo nghề, giáo dục nghề nghiệp, các chính sách thu hút nhân sự, các chính sách tuyển dụng và đào tạo cũng như điều kiện làm việc được nâng cao rất nhiều. Nhưng vẫn chưa có một chương trình nào về “Vấn đề đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực và việc làm xanh trong phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung Bộ cũng như ở Việt Nam”. Để có thể phát triển nhân sự xanh trong lĩnh vực du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cần dựa trên quan điểm nhân sự xanh phù hợp trong lĩnh vực du lịch. **Nhân sự xanh** là toàn bộ các chính sách tập trung nâng cao năng lực của nguồn nhân lực tham gia vào lĩnh vực du lịch nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh theo chiến lược phát triển bền vững của ngành.

Theo đó, thực trạng về chất lượng nguồn nhân lực và việc làm xanh trong phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại khu vực duyên hải Nam Trung Bộ cần được đánh giá với nhiều phương diện để có thể đề ra tầm nhìn, mục tiêu chiến lược cũng như kế hoạch cụ thể.

Những vấn đề nguồn nhân lực du lịch vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ đang gặp phải như:

1. Lực lượng lao động luôn được đánh giá là vừa thừa, vừa thiếu và yếu
2. Tỷ lệ nhân sự nhảy việc cao, tính ổn định và chuyển đổi nghề cao
3. Thiếu nguồn nhân lực xanh
4. Số lượng nhân sự kinh nghiệm về tăng trưởng xanh ít
5. Nguy cơ khủng hoảng nhân sự ngành du lịch hậu Covid-19 là rất cao
6. Chính sách hỗ trợ chỉ đáp ứng được trong ngắn hạn nên khó duy trì được nguồn nhân sự khi có khủng hoảng như đại dịch xảy ra

7. Nguồn nhân lực sẽ bị công nghệ số hóa thay thế dần ở một số chuyên môn nhất định.

Đại dịch Covid-19 đang kéo dài hơn so với tất cả kịch bản và dự báo từ năm 2020 đối với thế giới và Việt Nam. Rất có thể đến hết năm 2022 mới kiểm soát và ổn định được tình hình dịch bệnh. Nguyên nhân Covid-19 đang có những diễn biến phức tạp kèm theo những biến thể mới mà chúng ta chưa thể lường trước được. Bên cạnh đó, kiểm soát dịch bệnh còn phụ thuộc và lượng vaccin và tốc độ tiêm chủng. Sau khi Covid19 được kiểm soát, xã hội sinh hoạt trong điều kiện bình thường mới với sự tồn tại của Covid-19 thì các ngành kinh tế cần khoảng thời gian ít nhất 1 đến 2 năm để phục hồi.

Như vậy, ngành du lịch là ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất và cũng là ngành có khả năng phục hồi sau cùng. Khả năng phục hồi mạnh của ngành du lịch sẽ diễn ra vào giữa năm 2024 trở đi. Như vậy, khi du lịch hoạt động trở lại sau khi Covid-19 được kiểm soát cũng sẽ chỉ ở mức cầm chừng. Lượng khách đi du lịch ít trong tâm thế vẫn đề phòng Covid-19. Bên cạnh đó, nhiều hội họp sẽ bị thay thế bởi họp trực tuyến...dẫn đến công suất sử dụng sản phẩm dịch vụ của ngành du lịch thấp dẫn đến lượng nhân sự trực tiếp phục vụ sẽ ít hơn trước đây rất nhiều. Điều có nghĩa là hậu Covid-19, nhiều nhân sự làm trong lĩnh vực du lịch trước đây sẽ tiếp tục thất nghiệp dẫn đến gia tăng mức độ cạnh tranh về việc làm giữa những nhân sự có kinh nghiệm đang thất nghiệp và lượng sinh viên ra trường.

Việc phục hồi của ngành du lịch sẽ diễn ra không đồng đều vì sự phục hồi phụ thuộc vào nhu cầu và mục đích của chuyến đi. Các thành phố lớn được dự báo sẽ phục hồi tăng trưởng du lịch nhanh hơn sau Covid-19, mặc dù vẫn thấp hơn 2019 rất nhiều. Lý do: các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị sẽ tập trung thu hút các nguồn lực và có nhiều điều kiện để phát triển. Song, những nơi này sẽ gặp khủng hoảng về nhân sự do sau 2 năm dịch bệnh nên đã có một lực lượng lớn lao động của ngành du lịch đã rời bỏ ngành. Theo kết quả khảo sát của Công ty ATM Asia được thực hiện tháng 3/2021 cho thấy đã có đến hơn 51% xác định rời bỏ nghề du lịch (không quay trở lại với nghề do họ tự chuyển đổi nghề để vượt qua đại dịch). Độ tuổi nhân sự bị ảnh hưởng bởi Covid-19 nhiều từ 33 đến 49 tuổi. Số lượng có trình độ đại học đang làm trong lĩnh vực du lịch có mức độ chuyển đổi nghề cao. Như vậy một vấn đề lớn mà nhân sự du lịch vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ gặp phải là nguy cơ khủng hoảng nhân sự ngành du lịch hậu Covid-19.

Như vậy, ngoại trừ nguyên nhân số 5 ở trên là do bất khả kháng thì các nguyên nhân còn lại của những tồn tại trên có thể xét đến, bao gồm:

1. Đào tạo nguồn nhân lực tăng trưởng xanh chưa đồng bộ tại các cơ sở đào tạo
2. Đội ngũ giảng viên thiếu cả về số lượng và kinh nghiệm thực tế
3. Chủ đầu tư khối doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa nhận thức và đầu tư đúng ngay từ đầu về tăng trưởng xanh

4. Môi trường làm việc và cơ sở vật chất có mức độ đáp ứng thấp đối với các tiêu chí tăng trưởng xanh
5. Chính sách xanh cho nhân sự xanh chưa áp dụng trong khi việc áp dụng luật và các chính sách đang có hiệu lực chưa được hài hòa, còn nhiều bất cập
6. Chính sách cạnh tranh và thu hút nhân sự còn tự phát, thiếu kế hoạch và chưa lành mạnh, tạo ra nhiều biến động về nhân sự
7. Khởi tư nhân-các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ chưa chú trọng đến tăng trưởng xanh và nhân sự xanh
8. Việc kinh doanh vẫn còn có những chương trình kích cầu mâu thuẫn với tăng trưởng xanh
9. Chưa có bộ tiêu chí nhân sự xanh để đảm bảo về chất lượng và việc làm cho nhân sự du lịch

Như vậy cần giải quyết tối đa các vấn đề tồn tại nêu trên để đảm bảo chất lượng nhân lực lao động xanh và việc làm cho nhân sự của ngành du lịch theo hướng tăng trưởng xanh. Việc giải quyết các vấn đề trên không thể một sớm một chiều mà cần có chiến lược tổng thể cho ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với sự tham gia của nguồn lực liên quan. Đồng thời cần nâng cao năng lực cho mỗi bên tham gia vào tiến trình xây dựng và thực hành tăng trưởng xanh.

Nguồn nhân lực tham gia trong lĩnh vực du lịch cần nâng cao năng lực gồm 5 nhóm đối tượng:

1. **Người lao động**
2. **Người sử dụng lao động**
3. **Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch**
4. **Cơ quan quản lý du lịch**
5. **Hiệp hội đoàn thể.**

Để nâng cao năng lực của từng nhóm đối tượng của nguồn nhân lực cần có bộ tiêu chí nhân sự tăng trưởng xanh trong lĩnh vực du lịch cho từng nhóm đối tượng. Bộ tiêu chí này cần hướng tới các nhóm năng lực cho từng đối tượng của nguồn lực.

Người lao động: kiến thức, nhận thức về vai trò là người lao động đóng góp cho sự tăng trưởng xanh gắn liền với nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp độ của người lao động từ nhân viên đến quản lý cấp cao kèm theo chính sách quyền lợi của người lao động xanh.

Người sử dụng lao động: kiến thức, nhận thức về vai trò là người lao động đóng góp cho sự tăng trưởng xanh gắn liền với trách nhiệm/nghĩa vụ cụ thể đối với nhà đầu tư/người sử dụng lao động kèm theo chính sách quyền lợi của người lao động xanh. Người sử dụng lao động cần có:

- ✓ kế hoạch nhân sự xanh

- ✓ tuyển dụng nhân sự xanh
- ✓ chương trình đào tạo xanh
- ✓ chính sách quản lý vận hành xanh
- ✓ chế độ lương, thưởng và phúc lợi xanh
- ✓ đối tác/nhà cung cấp nhân sự xanh
- ✓ công cụ/công nghệ/tiêu chí đánh giá năng suất/hiệu quả xanh

Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch: cơ sở đào tạo và người trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực cần có năng lực đào tạo để đáp ứng tăng trưởng xanh gắn liền với trách nhiệm/nghĩa vụ cụ thể kèm theo chính sách quyền lợi của cơ sở đào tạo và người tham gia đào tạo. Cơ sở đào tạo cần thực hiện các nội dung/chương trình hoặc môn học về tăng trưởng xanh để trang bị cho người học những kiến thức về tăng trưởng xanh và tiêu chí để trở thành nhân sự xanh. Đào tạo cho người lao động những kiến thức những kỹ năng về ứng dụng và vận hành chuyển đổi số, số hóa trong công việc.

Cơ quan quản lý du lịch: năng lực tổ chức xây dựng, triển khai, quản lý và thúc đẩy các chính sách về chất lượng nhân sự và việc làm xanh theo hướng tăng trưởng xanh. Ban hành chính sách khởi nghiệp xanh trong lĩnh vực du lịch.

Hiệp hội/đoàn thể: năng lực phối kết hợp với các bên liên quan thực hiện các phong trào, tổ chức triển khai các chương trình hành động cụ thể để thực thi các chính sách do cơ quan quản lý ban hành nhằm đạt được những kết quả cụ thể theo mục tiêu về chất lượng nhân sự và việc làm xanh.

Nâng cao năng lực cho nhân sự xanh có thể cân nhắc một số nội:

- ✓ Các hoạt động và thực hành nhằm giúp nhân sự cải thiện bản thân và tổ chức trở nên thân thiện hơn với môi trường.
- ✓ Văn hóa bền vững của doanh nghiệp.
- ✓ Giảm lượng khí thải carbon bằng cách giảm lượng giấy sử dụng
- ✓ Ứng dụng công nghệ carbon thấp (LCT)
- ✓ Giảm lượng khí thải khi tham gia
- ✓ Giảm rác thải nhựa
- ✓ Tinh thần, thái độ, trách nhiệm bảo vệ môi trường
- ✓ Giảm tỷ lệ nhân sự nghỉ việc
- ✓ Tăng chỉ số hài lòng của nhân sự
- ✓ Quan hệ công chúng
- ✓ Chính sách tuyển dụng
- ✓ Hiệu quả làm việc
- ✓ 3Rs trong kinh doanh

✓ Chính sách kích cầu xanh

Luật lao động có những tiêu chí giúp đảm bảo tính tăng trưởng xanh đối với nhân sự. Mỗi địa phương và từng doanh nghiệp đã vận dụng vào thực tế tại địa phương và đơn vị. Tuy nhiên việc vận dụng chưa được đồng bộ và hoặc chưa hài hòa với tăng trưởng xanh. Việc vận dụng vẫn còn nhiều bất cập, phát sinh nhiều vấn đề đi ngược lại nhân sự xanh và tăng trưởng xanh. Việc sử dụng bộ tiêu chí để đánh giá các mặt đã làm được và các vấn đề còn tồn tại cần được cải thiện theo các tiêu chí tăng trưởng xanh là quan trọng.

Như vậy, vấn đề đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực và việc làm xanh trong phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh trong bối cảnh mới hết sức cấp bách. Do đó, vấn đề này cần được sự quan tâm của các cấp các ngành và cần được đưa vào trong chiến lược phát triển nhân sự của ngành, của địa phương với các mục tiêu và kế hoạch hành động hành động cụ thể để góp phần hoàn thành chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia.

**XANH HÓA DỊCH VỤ DU LỊCH TRÊN CƠ SỞ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ XANH, SẠCH VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

TS. Lưu Văn Duy



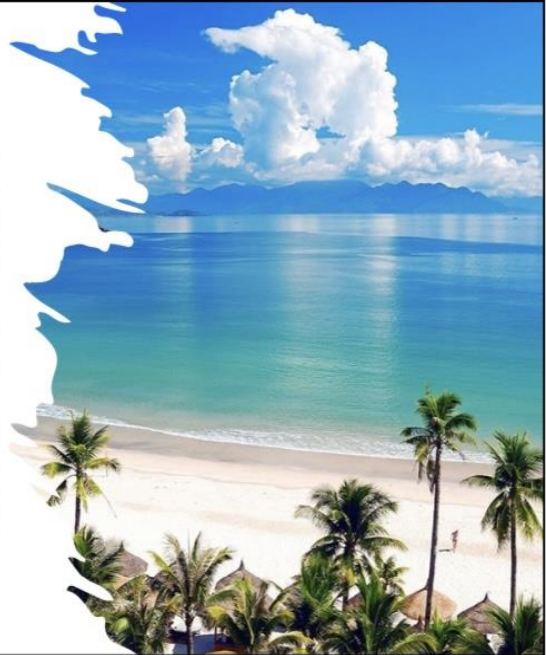
1



2

1. Giới thiệu (1/1)

- Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu của nhiều quốc gia trên thế giới.
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nằm trên tuyến du lịch xuyên Việt, “Con đường di sản miền Trung” với nét đặc trưng của hệ sinh thái du lịch gắn với biển đảo và di sản văn hóa. Nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng tầm cỡ khu vực và quốc tế thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.



3

1. Giới thiệu (2/2)

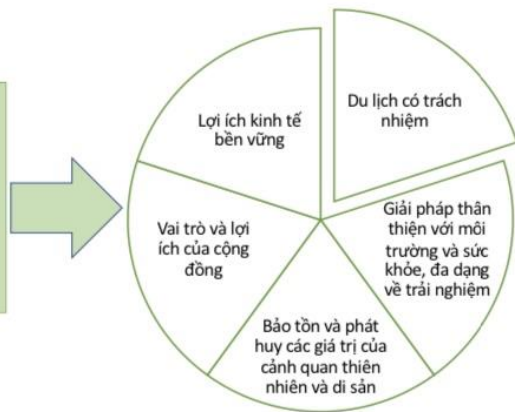
- Tuy nhiên, hoạt động du lịch phát triển trong nhiều năm chưa chú trọng trong việc ứng dụng công nghệ xanh, sạch và bảo tài nguyên thiên nhiên
=> Ô nhiễm môi trường và cảnh quan ở các khu du lịch: rác thải từ du khách, nuôi trồng hải sản, ô nhiễm môi trường nước, không khí, cảnh quan...
- **Cơ chế, chính sách** còn nhiều hạn chế trong cả hoạch định và tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh.



4

2. “Xanh hóa” dịch vụ du lịch

Du lịch xanh là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.

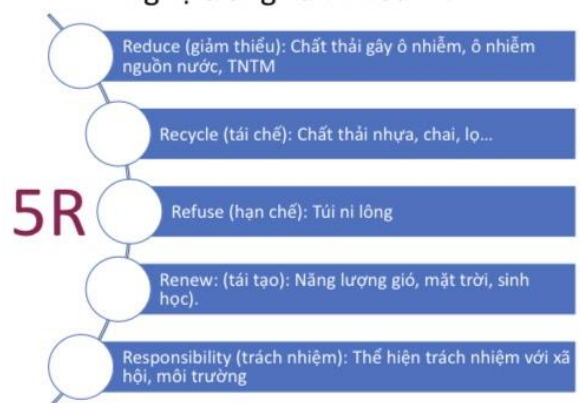


5

3. Ứng dụng công nghệ trong “xanh hóa” dịch vụ du lịch

Ứng dụng công nghệ trong xanh hóa dịch vụ du lịch là quá trình đổi mới, áp dụng các công nghệ, kỹ thuật thông minh trong du lịch nhằm cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường, nâng cao sức khỏe con người, bảo tồn tài nguyên và hướng tới phát triển bền vững (Supaporn Chai-Arayalert, 2020)

Mục tiêu của ứng dụng công nghệ trong xanh hóa DVDL



6

3. Ứng dụng công nghệ trong “xanh hóa” dịch vụ du lịch

- Công nghệ giảm tiêu thụ năng lượng hóa thạch
- Công nghệ làm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước
- Công nghệ tái sử dụng chất thải trong các cơ sở dịch vụ du lịch
- Xử lý và tái chế chất thải ở các khu du lịch
- Phát triển du lịch xanh gắn với nông nghiệp công nghệ cao.
- Công nghệ vận chuyển Xanh



7

Chiến lược của Việt Nam về ứng dụng công nghệ trong “xanh hóa” dịch vụ du lịch

- **Đẩy nhanh việc chuyển đổi số; phát triển du lịch thông minh**; kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số.
- **Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh** để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.
- **Ứng dụng công nghệ số, công nghệ xanh, sạch trong kinh doanh du lịch.**
- **Ứng dụng e-mobile banking** trong thanh toán dịch vụ du lịch
- **Ứng dụng công nghệ thông tin** để hoàn thiện hệ **thống thống kê du lịch**;

8

4. Ứng dụng công nghệ trong “xanh hóa” dịch vụ du lịch ở vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ

Đà Nẵng

Quảng Nam

Quảng Ngãi

Phú Yên

Khánh Hòa

Bình Thuận



9



Đà Nẵng (1/2)

- Xây dựng các cơ sở lưu trú dựa trên nền tảng xanh, sử dụng nhiều đồ vật được tạo nên từ vật liệu thiên nhiên.
- Một số khu du lịch mạo hiểm, ứng dụng công nghệ giúp sử dụng sức nước tích trữ để đẩy thuyền đi nhằm hạn chế sử dụng máy móc gây ô nhiễm. Sử dụng xuồng làm bằng cao su sẽ sử dụng được nhiều lần, góp phần bảo vệ môi trường
- “Cá bóng ăn Rác”: Lắp đặt các thùng rác công cộng và vận động các tổ kinh doanh dịch vụ, khu nhà tắm do tư nhân khai thác đặt thêm thùng rác.
- Khó khăn trong áp dụng CN xử lý nước thải ô nhiễm

10

Đà Nẵng (2/2)

- Trung tâm Xúc tiến du lịch Đà Nẵng đưa vào thí điểm trải nghiệm **tham quan ảo với công nghệ quét 3 chiều** tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm.
- Thành phố có 1.239 cơ sở lưu trú du lịch. Các cơ sở này đều có **trang web riêng, giới thiệu các sản phẩm tour, dịch vụ phòng...** để du khách tham khảo.
- **Các khách sạn lớn áp dụng CNTT và các công cụ chuyển đổi số** để quản lý vận hành, khai thác khách, quảng bá thương hiệu và khai thác dữ liệu về hành vi, nhu cầu của khách lưu trú
- Tiến tới thử nghiệm **“thực tế ảo”** với ứng dụng công nghệ 3D/4D để nâng cao trải nghiệm của khách du lịch trong hoạt động truyền thông quảng bá du lịch



11

Quảng Nam

- **Kế hoạch Phát triển du lịch xanh Quảng Nam đến năm 2025:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số vào phát triển dịch vụ du lịch; nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn.
- **Nhiều điển hình “du lịch xanh”:** nhà hàng The Field, khách sạn Hoi An Chic..
- **Bộ tiêu chí và chỉ tiêu du lịch bền vững với 6 nhóm đối tượng kinh doanh du lịch:** Nhấn mạnh ứng dụng CN trong xử lý ô nhiễm môi trường, điện năng, chất lượng không khí, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn, an toàn an ninh, nguồn nhân lực, hỗ trợ cộng đồng địa phương và kinh doanh.



12

Quảng Ngãi

- Quảng Ngãi đang tập trung giải quyết “bài toán” về môi trường, tạo ra loại hình du lịch xanh, thân thiện.
- **Lắp đặt các thùng rác** tại các điểm thăm quan du lịch, **xử lý môi trường** tại các điểm di tích, thắng cảnh; **tăng công suất thu gom, xử lý** rác thải.
- **Ứng dụng công nghệ mới để xử lý chất thải**, phân loại rác thải tại nguồn, hạn chế sử dụng túi nilon, đồ nhựa dùng một lần...



13

Phú Yên

- Hình thành các **mô hình dịch vụ du lịch “không rác thải”** ở các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch
- **Sổ tay Hướng dẫn** giải pháp Giảm thiểu sử dụng đồ nhựa khó phân hủy dùng một lần tại các cơ sở dịch vụ, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên;
- Bộ tiêu chí đánh giá Cơ sở lưu trú du lịch thân thiện môi trường.
- Các công trình dịch vụ du lịch nên ưu tiên sử dụng các vật liệu của địa phương như đá, gỗ, tre, gạch...



14

Khánh Hòa

- Một số khu nghỉ dưỡng trang bị **hệ thống sản xuất nước đóng trong chai** thủy tinh để phục vụ khách.
- Thay thế ống hút nhựa sử dụng một lần bằng ống hút tre, ống hút giấy.
- **Chủ động cấp túi vải và túi giấy** cho khách để hạn chế sử dụng túi ni lông.
- Sở Du lịch phát động **phong trào “nói không với đồ nhựa”**, nhiều khu nghỉ dưỡng cũng chú trọng đến việc hạn chế dùng đồ nhựa, bảo đảm môi trường.



15

Bình Thuận

- Ứng dụng công nghệ pin năng lượng mặt trời ở các khu nghỉ dưỡng
- Thùng đựng rác và hệ thống xử lý rác thải thân thiện với môi trường



16

Những kết quả đạt được ở vùng DHNTB

1. **Phát triển các phần mềm du lịch thông minh** hỗ trợ khách du lịch: “Danang FantastiCity, “Da Nang Tourism”, “inDaNang”, “Go! Đà Nẵng”, “Da Nang Bus”,
2. **Ứng dụng công nghệ tạo ra năng lượng sạch, năng lượng tái tạo** cho chuỗi hệ thống nhà hàng, khách sạn, trung tâm du lịch, thương mại,
3. **Ứng dụng các công nghệ tiên tiến** trong xử lý chất thải môi trường
4. **Sử dụng nguồn nguyên liệu mới thân thiện với môi trường** trong SX các SP phục vụ du khách
5. **Bộ tiêu chí và chỉ tiêu du lịch bền vững**
6. **Thay đổi hành vi, nhận thức của du khách** về vấn đề “xanh hóa dịch vụ du lịch”
7. **Chuyển đổi số để xanh hóa du lịch**: Thực tế ảo, khai thác hành vi, thói quen của du khách...

17

Hạn chế khi ứng dụng công nghệ trong xanh hóa các dịch vụ du lịch (1)

- Công nghệ theo hướng xanh hóa du lịch mới chỉ xuất hiện **dạng mô hình** từ “**khu vực đầu tư tư nhân**”. Chính sách, đầu tư công cho ứng dụng công nghệ xanh còn hạn chế, thiếu đồng bộ.
- **Thiếu bộ tiêu chí và chỉ tiêu du lịch xanh đồng bộ** để cụ thể hoá các tiêu chuẩn và giám sát thực hiện mục tiêu “xanh hoá du lịch”
- **Khả năng tiếp nhận công nghệ mới, CNTT của các đơn vị cung cấp du lịch còn hạn chế.**
- **Ý thức của du khách về bảo vệ thiên nhiên, môi trường, cảnh quan còn hạn chế**
- **Thiếu cơ chế hợp tác và liên lạc giữa các địa phương** trong ứng dụng công nghệ nhằm xanh hóa dịch vụ du lịch.

18

4. Kết luận và gợi ý chính sách (1/2)

- Đổi mới công nghệ chính là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện thành công các mục tiêu “xanh hóa” ngành du lịch của cả nước nói chung và khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ nói riêng.
- Ở cấp vĩ mô, **cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách** cho việc tăng **cường áp dụng khoa học công nghệ trong du lịch xanh**, đặc biệt hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai phát triển du lịch xanh gắn với công nghệ
- Tăng cường **vai trò của đối tác công-tư** trong phát triển và ứng dụng công nghệ xanh trong du lịch
- Phát triển **hệ thống giám sát thời gian thực**, một trong những ứng dụng của mạng cảm biến không dây **để đo đạc các thông số môi trường** trong mỗi địa điểm du lịch.

19

4. Kết luận và gợi ý chính sách (2/2)

- **Đầu tư phát triển nguồn nhân lực** đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch xanh và ứng dụng công nghệ xanh.
- **Xây dựng đội ngũ nhân viên, hướng dẫn viên du lịch xanh** có trình độ, sự hiểu biết sâu sắc về tự nhiên, xã hội, đa dạng sinh học...
- **Tăng cường hợp tác và liên lạc giữa các địa phương** trong thực hiện mục tiêu xanh hóa du lịch.



20

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH

Đặng Xuân Sơn

Footprint Travel

Phát triển kinh tế xanh để đạt được tăng trưởng xanh đã trở thành xu hướng tất yếu của kinh tế thế giới hiện đại. Tăng trưởng xanh thể hiện cách thức phản ứng của các nền kinh tế trước thực tế của tình hình biến đổi khí hậu và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và phản ánh các xu hướng tìm kiếm mô hình tăng trưởng mới với ngành công nghiệp xanh nổi lên như một mũi nhọn, tạo ra động lực tăng trưởng mới và mang tính cạnh tranh cao; đồng thời thể hiện những nỗ lực của các chính phủ trong tái cấu trúc nền kinh tế hướng đến tăng trưởng xanh và bền vững.

1. Vai trò của doanh nghiệp du lịch trong việc phát triển du lịch xanh

Các hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động du lịch nói riêng đều có tác động đến tài nguyên và môi trường, trong đó hoạt động du lịch luôn phải gắn liền với việc khai thác các tiềm năng tài nguyên môi trường tự nhiên như cảnh đẹp hùng vĩ của núi sông biển....các giá trị văn hoá, nhân văn.

Việc kinh doanh phát triển du lịch đã tạo nên những môi trường nhân tạo như công viên vui chơi giải trí, nhà bảo tàng, làng văn hoá...trên cơ sở của môi trường tự nhiên như một hang động, một quả đồi, một khúc sông, một khu rừng, hay một đền thờ, một quần thể di tích.... và đó là những tác động tới môi trường mà du lịch đang tạo ra. Những hoạt động này có thể là tích cực, song cũng có thể là tiêu cực đến tài nguyên và môi trường, nhất là trong các trường hợp không được tổ chức, quy hoạch hợp lý, khai thác và bảo vệ cũng như khôi phục tài nguyên và môi trường một cách chính đáng.

Tài nguyên du lịch đẹp, độc đáo, nguyên bản, trong lành... là lý do chính mà khách du lịch sẽ tới, trong những năm gần đây, du lịch xanh đã trở thành xu hướng của ngành công nghiệp không khói ở nhiều nước trên thế giới, bởi có vai trò to lớn trong bảo vệ đa dạng sinh học, văn hóa cộng đồng và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Theo một khảo sát gần đây của TripAdvisor - trang web về du lịch nổi tiếng thế giới cho thấy, 34% số du khách sẵn sàng chi trả thêm để ở những khách sạn thân thiện với môi trường, 50% số du khách sẵn sàng chi trả thêm cho những công ty mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và hoạt động bảo tồn. Điều này khẳng định, du lịch xanh không những là sự bảo đảm cho phát triển du lịch bền vững, mà còn là giải pháp giúp gia tăng lượng khách có mức chi tiêu cao và có ý thức, hành động văn minh khi tham gia du lịch.

Việt Nam có những lợi thế về tài nguyên thiên nhiên hiếm có và cũng được UNWTO xếp hạng 6 trong số 10 quốc gia đạt tốc độ tăng trưởng khách

du lịch hàng đầu thế giới, đồng thời cũng được bình chọn là điểm đến du lịch hàng đầu châu Á.

Xu hướng phát triển kinh tế xanh, phát triển du lịch sinh thái của rất nhiều nước trên thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,... ở châu Á; Đức, Anh, Pháp, Hà Lan... đã là xu hướng chính của sự phát triển trong nhiều thập niên gần đây, tạo ra động lực tăng trưởng mới và mang tính cạnh tranh cao, đồng thời thể hiện những nỗ lực của các chính phủ trong tái cấu trúc nền kinh tế hướng đến tăng trưởng xanh và bền vững.

Chính vì thế, để phát triển bền vững cả về kinh tế lâu dài cũng như bảo tồn môi trường sống, mỗi doanh nghiệp, cá nhân hay tổ đều phải có vai trò và trách nhiệm to lớn trong việc hoạch định và hành động xanh

2. Độ□ng lu□c ca□n de□ doanh nghiệp du lịch phát trie□n xanh

2.1 Tăng trưởng ổn định

Từ khi Việt Nam mở cửa nền kinh tế, hội nhập quốc tế, ngành Du lịch đã có những bước phát triển rất nhanh chóng cả về lượng khách và nguồn thu từ du lịch, ví dụ như khách du lịch quốc tế, nếu như năm 1990 mới chỉ có 250 nghìn lượt khách quốc tế đến Việt Nam thì chỉ 5 năm sau đã tăng hơn 4 lần, đạt trên 1,3 triệu lượt; đạt mốc 5 triệu lượt vào năm 2010 và hơn 18 triệu lượt vào năm 2019 – tăng 72 lần so với năm 1990. Tốc độ tăng trưởng hàng năm thường đạt mức 2 con số, đặc biệt là giai đoạn 2015 - 2019 đạt 22,7% mỗi năm và được Tổ chức Du lịch Thế Giới xếp vào hàng cao nhất trên thế giới.

Sự phát triển nóng của ngành du lịch đã dẫn đến các tác động ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, kinh tế và văn hóa xã hội và ví dụ của nhiều điểm du lịch cho thấy sự bất ổn định trong kinh doanh do tài nguyên không còn nguyên vẹn, chưa dám nói đến là bị làm xấu, phá hủy hoặc ô nhiễm nghiêm trọng, từ đó khách du lịch hoàn toàn không muốn tới.

Doanh nghiệp cần phải nhận thức được là việc hút được khách tới sử dụng sản phẩm của mình là việc chung của cả cộng đồng. Muốn có được nguồn khách đều, ổn định lâu dài thì các doanh nghiệp cần có tầm nhìn xa, tầm nhìn chiến lược, cần suy nghĩ toàn cầu và hành động địa phương để cân bằng hài hòa giữa kinh doanh và tăng trưởng ổn định, hơn là việc tập trung kiếm thật nhiều tiền trước mắt rồi phải đi dọn dẹp hậu quả, mà hậu quả có thể rất lớn, ảnh hưởng tới cả đời sống của thế hệ con cháu sau này.

2.2 Nâng cao nhận thức về□ tác độ□ng tie□u cu□c của du lịch to□i mo□i tru□o□ng, ảnh hưởng của bie□n đo□i khí hạ□u.

Việc kinh doanh, xây dựng và phát triển các điểm, sản phẩm du lịch đã tạo ra nhiều tác động tiêu cực đến tài nguyên nước, đất, rác thải, không khí, động vật và thực vật...

Thêm vào, trong những năm gần đây, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là một trong những vùng của Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu, điển hình là xói lở bờ biển, nước biển dâng, tràn dầu, lũ lụt... gây ra nhiều tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động du lịch.

Vì vậy, việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về các tác động tiêu cực;

- Nêu rõ các hoạt động du lịch đã và đang gây tác động tiêu cực, làm ảnh hưởng tới môi trường sống của cộng đồng cũng như ảnh hưởng tới nguồn khách du lịch.
- Lấy ví dụ trực quan thực tế về biến đổi khí hậu đã diễn ra tại Việt Nam và đưa ra con số thuyết phục về mức độ ảnh hưởng tới sự phát triển ổn định.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân về sự phát triển du lịch thiếu tổ chức, tầm nhìn và xu thế biến đổi khí hậu, diễn biến tình hình thiên tai trên thế giới và Việt Nam
- Hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp và người dân sử dụng, ứng dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, không túi nilon và không nhựa dùng một lần....
- Giới thiệu các mô hình hay, cách làm tốt và biểu dương các công ty, doanh nghiệp, cá nhân có chiến lược, tầm nhìn dài hạn có các hành động và thành tích, sáng kiến trong việc bảo vệ môi trường.
- Thông tin về công nghệ trong quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai.
- Tuyên truyền các chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Nhà nước, kèm theo các khung hình phạt thích đáng để răn đe.

Nâng cao nhận thức là việc làm cấp bách và hết sức cần thiết, vì thế việc tuyên truyền và đào tạo không thể dừng ở một chiến dịch mà phải làm thường xuyên, trên diện rộng và lồng ghép vào nhiều hoạt động khác nhau để đạt được hiệu quả cao.

Các doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, cá nhân nhận thức tốt hơn khi công tác tuyên truyền phải làm rõ được cái lợi, hiệu quả cũng như hậu quả và câu ngạn ngữ “Gieo thói quen, gặt tính cách” là bàn đến quan hệ hữu cơ mang tính nhân quả cho việc đào tạo từ nâng cao nhận thức tới hình thành thói quen rồi cho trái ngọt bền vững lâu dài.

2.3 Cơ chế, chính sách quy định, pháp luật khuyến khích doanh nghiệp phát triển du lịch xanh

Để các doanh nghiệp, tổ chức hay cá nhân kinh doanh du lịch có động lực phát triển xanh thì chúng ta cần có cú hích từ cơ chế và chính sách một cách hấp dẫn, rõ ràng, dễ tiếp cận, để doanh nghiệp thấy đó là một sự ưu đãi chứ không phải rào cản hành chính khó khăn. Vì bất kỳ chính sách nào ra đời mà không rõ ràng thì các doanh nghiệp đều có cảm giác đó là “hành là chính” hay “chính sách đó chỉ tồn tại ở trên Tivi mà thôi”, thì đó là sự thất bại lớn vì các doanh nghiệp dần dần mất niềm tin và sẽ dẫn đến tình trạng “mạnh ai người nấy làm” cạnh tranh không công bằng, để tối ưu hóa lợi nhuận hơn là

tham gia vào một kế hoạch, định hướng phát triển xanh cho cả cộng đồng, quốc gia.

Tôi nghĩ chúng ta cần có các chính sách để khuyến khích nếu các doanh nghiệp có cam kết tham gia;

Miễn, giảm tiền thuê đất,

- Với thuế thì chúng ta cần có chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng
- Chú trọng, ưu đãi, khuyến khích đầu tư, đổi mới, cải tiến, nâng cấp công nghệ, sản xuất theo công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.
- Hỗ trợ tín dụng cho hoạt động đầu tư với mức lãi vay thấp, thời hạn linh động,
- Luật chặt chẽ, nghiêm ngặt hơn để đảm bảo không xâm hại tới môi trường nhưng cần có các hướng dẫn cụ thể, câu từ rõ ràng dễ hiểu và được hiểu theo một chiều thuận có lợi cho cả doanh nghiệp và môi trường,
- Chính sách của các sở ban ngành liên quan không bị cãi nhau dẫn đến làm khó cho doanh nghiệp, ví dụ một doanh nghiệp muốn đầu tư trong một khu sinh thái thiên nhiên, thì thủ tục đầu tư của các sở ban ngành liên quan cần thống nhất về điều kiện cho cấp phép và đầu tư, nếu có vướng mắc thì cả hai sở phải chủ động làm việc với nhau để thống nhất chung cách làm việc thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, chứ không phải đẩy doanh nghiệp để tự đi làm việc với từng sở riêng lẻ, dẫn đến nhiều vấn đề phát sinh kèm theo như tốn kém thời gian đi lại, chi phí thủ tục, phong bì phong bao....và hoàn toàn làm nhụt ý chí đầu tư, phát triển của doanh nghiệp.
- Thủ tục đăng ký, thay đổi kinh doanh cần nhanh chóng và thông thoáng giảm thiểu tối đa thời gian đăng ký thay đổi của doanh nghiệp. Ngoài việc thủ tục cần được gộp vào một cửa để giải quyết, thì chúng ta cần áp dụng công nghệ vào việc đăng kí, thậm chí kiểm duyệt online trước để quá trình hoàn thiện thủ tục của doanh nghiệp được nhanh hơn, có thời gian trả lời cụ thể và sau đó doanh nghiệp bổ sung giấy tờ còn thiếu online. Sau khi cơ quan đăng ký kiểm tra online xong thì chỉ cần một lần duy nhất kiểm duyệt thực tế để cấp phép hoạt động hay thay đổi, điều này sẽ cho doanh nghiệp thấy sự hỗ trợ thực chất của quản lý nhà nước tới sự phát triển.

2.4 Đào tạo nâng cao năng lực

Việc đào tạo để nâng cao năng lực luôn là vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhìn chung và đặc biệt quan trọng cho quá trình phát triển xanh, việc đào tạo này cần có một định hướng chiến lược từ phía nhà nước, có ngân sách và đội ngũ chuyên gia nắm rất rõ thực tiễn để triển khai.

- Trước tiên, các sở ban ngành liên quan cần được đào tạo và để hiểu được tầm quan trọng của sự phát triển xanh cho phát triển bền vững,
- Các sở ban ngành hay cơ quan quản lý nhà nước cần phải xác định rõ lợi ích cho người tham gia như: nâng cao kiến thức, năng lực, nâng cao tinh thần, hình ảnh công ty, sản phẩm tốt hơn, tuân thủ pháp luật và phát triển được bền vững.
- Nội dung đào tạo cần được chuẩn bị một cách kĩ lưỡng, tài liệu đào tạo cần ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu, phải có các ví dụ thực tiễn.
- Việc tham gia đào tạo là bắt buộc và các doanh nghiệp phải có chứng chỉ tham gia cũng như cần có số lượng lao động tối thiểu phải tham gia để có chứng chỉ để được công nhận xanh. Đây là vấn đề của giấy phép mà đã từng làm khó nhiều doanh nghiệp, do đó cần có cách làm thông thoáng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia một cách dễ dàng.
- Đào tạo cho các quản lý, lãnh đạo của các doanh nghiệp để họ trở thành đào tạo viên rồi họ tự về đào tạo lại cho chính doanh nghiệp hay tổ chức của mình. Nhất thiết cần có các lãnh đạo hay quản lý cấp cao của các doanh nghiệp đi tham gia đào tạo, để từ đó họ mới có các định hướng chiến lược, tầm nhìn dài hạn cho doanh nghiệp của mình.
- Đào tạo lý thuyết luôn phải đi đôi với thực hành, nhất thiết phải kết hợp với việc thăm quan các mô hình mẫu, mô hình đã thành công để tăng việc nhận thức được trực quan hơn và dễ thuyết phục hơn.
- Quá trình đào tạo phải được thực hiện liên tục và thường xuyên có các chương trình đào tạo lại để rà soát lại kiến thức cũ, kèm theo giới thiệu cách làm hay hay công nghệ mới. Các doanh nghiệp cũng cần tổ chức đào tạo thường kỳ cho các nhân viên mới.
- Sau khi đào tạo xong, cần có các cuộc thi để đảm bảo các cá nhân đạt được tỉ lệ tối thiểu các tiêu chí và từ đó có thể cấp chứng chỉ “Phát triển bền vững” hay “Phát triển xanh” cho các nhân viên và đây là điều kiện bắt buộc để được tăng lương, thăng tiến hay được chấp thuận làm việc.
- Nên cân nhắc áp dụng chương trình tham gia đào tạo từ xa hay cung cấp tài liệu online để học viên tự học, sau đó tổ chức các buổi thi một cách nghiêm túc để cấp chứng chỉ. Để thực hiện được việc này cần phải có kế hoạch, tài liệu phục vụ tự đào tạo cho học viên một cách trực quan dễ hiểu, sử dụng công nghệ tiên tiến, đơn giản nhất cho học viên bằng các video sinh động và rất cần có các tương tác từ các chuyên gia trong quá trình đào tạo từ xa hay các học viên tự đào tạo để hỗ trợ học viên hoàn thành việc học tập, nâng cao năng lực của mình.

2.5 Khoa học công nghệ trong kinh doanh du lịch.

Ngày nay, công nghệ được sử dụng rộng rãi trên mọi mặt của sản xuất, kinh doanh để tăng hiệu quả công việc và nâng cao đời sống của con người, du lịch là ngành mà việc áp dụng công nghệ được cho rất cần thiết để phát

triển mạnh mẽ, trong xây dựng sản phẩm cũng như tạo ra các nền tảng phục vụ quảng cáo, vận hành, cho du khách trong quá trình đặt chỗ và sử dụng dịch vụ..., đặc biệt là áp dụng khoa học công nghệ vào việc phát triển xanh, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, văn hóa xã hội.

Các doanh nghiệp cần có định hướng chiến lược, tầm nhìn dài hạn trong đầu tư vào công nghệ hay ứng dụng cho sản phẩm, hoạt động kinh doanh của mình để đạt được cái lợi cho chính doanh nghiệp cũng như thúc đẩy tăng trưởng xanh vì mục đích chung của toàn xã hội.

Tuy nhiên, cũng cần có định hướng, kế hoạch và đầu tư phát triển đồng bộ từ quản lý nhà nước, các ban ngành vì nó có rất nhiều vấn đề liên quan trong quá trình triển khai áp dụng công nghệ;

- Cần có cơ chế, chính sách ưu tiên khuyến khích các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ.
- Rất cần có một cơ sở hạ tầng tốt và ổn định để cho việc sử dụng, áp dụng công nghệ vào kinh doanh được thông suốt và hiệu quả.
- Cần có phần mềm quản lý điểm đến, quản lý các cơ sở kinh doanh... giúp các cơ sở kinh doanh kết nối, khai báo, đồng bộ dữ liệu một cách nhanh chóng.
- Doanh nghiệp mong đợi có chính sách đồng bộ về quy định, hướng dẫn áp dụng
- Ngoài ra, để thúc đẩy phát triển xanh, như đã đề cập ở trên, rất nhiều doanh nghiệp cần được hỗ trợ về đào tạo, nâng cao năng lực, hỗ trợ về vốn vay... cho phát triển công nghệ phục vụ phát triển xanh, đây là những cú hích vô cùng quan trọng giúp cho doanh nghiệp sẵn sàng hơn và đầu tư có tầm nhìn dài hơn.

Trong nhiều năm qua, công nghệ được phát triển như vũ bão, nó đã và đang được áp dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực khác nhau và đã có những thành công đáng kể nhưng công nghệ xanh cho du lịch thì còn chưa thực sự xứng với tiềm năng của nó. Vì vậy, đây là việc làm rất gấp thiết cho tất cả các bên liên quan, chúng ta cần cùng trao đổi và phân tích để hướng tới phát triển đồng bộ, cho hiệu quả và lâu dài.

2.6 Chính sách hỗ trợ, khuyến khích sáng kiến, mô hình du lịch xanh.

Động lực tăng trưởng xanh là sử dụng yếu tố con người, khoa học kỹ thuật và các hoạt động thân thiện với môi trường là đã rõ, tuy nhiên, việc chuyển đổi một mô hình chưa bao giờ là dễ dàng, nó đòi hỏi một quá trình lâu dài, với nhiều lực đẩy cần thiết như hỗ trợ tài chính, chính sách thuế, khuyến khích nghiên cứu và xây dựng mô hình và nhân rộng.

Cần thiết phải có chính sách sử dụng ngân sách nhà nước cho hỗ trợ tăng trưởng xanh, có thể xem xét các khía cạnh sau;

- Trợ cấp không hoàn lại cho các doanh nghiệp cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong tương lai;

- Hỗ trợ lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nếu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh thực hiện được các biện pháp giảm bớt tác động tiêu cực tới môi trường;
- Trợ cấp qua thuế dưới hình thức miễn, giảm thuế khi doanh nghiệp áp dụng những biện pháp chống ô nhiễm môi trường theo quy định.
- Tăng chi đầu tư nhà nước về khuyến khích nghiên cứu, hoạt động tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường,
- Tăng chi cho trợ cấp cho các chương trình quốc gia thực hiện hỗ trợ tăng trưởng xanh như trợ cấp việc làm, tạo ra việc làm trực tiếp, các chương trình giáo dục, đào tạo...

Mặt ngược lại, chính sách thuế và phí tới hoạt động kinh doanh du lịch là hết sức cần thiết, ví dụ đơn giản nhất là ta đã làm là thu phí vào số lượng rác thải mà doanh nghiệp tạo ra hàng ngày, chính sách này một mặt khuyến khích người gây ô nhiễm môi trường phải giảm lượng chất thải ra, mặt khác nó còn làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước hoặc dùng chính quỹ này để tái phục vụ cho đầu tư vào các hoạt động phát triển xanh.

2.7 Tạo lập cơ chế đồng, cam kết hợp tác đồng bộ.

Ngoài những chính sách, hướng dẫn và hỗ trợ từ phía nhà nước thì các doanh nghiệp hay tổ chức phát triển kinh doanh xanh rất cần có một sân chơi chung để cùng nhau trao đổi, chia sẻ, hỗ trợ cùng hợp tác phát triển.

Để việc này thành công, cũng cần có một cú hích hỗ trợ, gợi ý từ phía quản lý nhà nước để cho các hiệp hội du lịch có thể cùng trao đổi với các doanh nghiệp, các nhà kinh doanh để lập ra các hội nhóm trao đổi các chủ đề trong kinh doanh phát triển xanh. Vai trò của các diễn đàn này là trực tiếp và rất sát với hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp.

Các diễn đàn như thế này là nơi để các mô hình thí điểm, mô hình hay có thể được chia sẻ nhanh tới cộng đồng doanh nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp khác có thể giải đáp được nhiều khúc mắc trong quá trình lập kế hoạch, xây dựng, thực hành cũng như giải quyết các vấn đề đang tồn tại.

Với doanh nghiệp, các sự cam kết về mặt pháp lý với nhà nước là quan trọng nhưng những cam kết với cộng đồng doanh nghiệp trong các hiệp hội cũng dần trở nên rất quan trọng, đây là một phương pháp hiệu quả để khích lệ sự hành động mạnh mẽ hơn từ các doanh nghiệp vì uy tín, vị thế và sự tăng trưởng bền vững của họ.

Thêm nữa, như chúng ta thấy đã tồn tại các cộng đồng khách hàng xanh, khách du lịch có trách nhiệm đi du lịch theo hướng xanh và luôn tìm kiếm sử dụng các sản phẩm, dịch vụ xanh, có lợi cho môi trường và kinh tế xã hội địa phương, đây cũng là một môi trường cho các doanh nghiệp thể hiện cam kết trách nhiệm xã hội cũng như là cơ hội để quảng bá thương hiệu của chính mình.

2.8 Công nhận doanh nghiệp xanh, nhãn xanh cho sản phẩm.

Sự công nhận cho bất kỳ sự nỗ lực nào là rất cần thiết để động viên, khuyến khích người thực hiện làm tốt và tốt hơn nữa. Để thực hiện được việc phát triển xanh, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít các khó khăn trở ngại, tổn kém và thậm chí cả thử thách nữa để đạt được các tiêu chí đề ra, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội, cần có một khung tiêu chí cụ thể, theo tiêu chuẩn chặt chẽ để đánh giá từ đó công nhận thành tích, kết quả đạt được.

Việc công nhận cần phải được đưa thành các mức khác nhau, từ thấp đến cao, để các doanh nghiệp thấy được từng bước của sự nỗ lực đều có sự động viên, khích lệ để họ sẵn sàng hơn cho các bước phát triển hay thử thách tiếp theo cho đà phát triển xanh.

Phát triển du lịch có trách nhiệm hay phát triển du lịch bền vững rất cần sự phát triển thực chất chứ không phải là hình thức và việc cấp giấy chứng nhận cũng sẽ cần rất chặt chẽ, trong quá trình thẩm định rất cần có sự tham gia của nhiều bên liên quan để đảm bảo khách quan nhất cũng như đảm bảo việc cấp giấy đúng người đúng việc, chứ không xảy ra tình trạng cấp giấy chứng nhận tràn lan, dễ dãi thì sẽ dẫn đến tình trạng “mua bán” và mục tiêu phát triển xanh sẽ bị thất bại ngay trước khi chúng ta xuất phát.

Việc thẩm định sau khi cấp nhãn theo chu kỳ một thời gian khoảng 2 năm hoặc 3 năm (tùy theo loại hình gây tác động) cũng thực sự cần thiết, nó cũng giống như việc đăng kiểm xe cơ giới, để đảm bảo doanh nghiệp vẫn cam kết với mục tiêu phát triển chung và cũng cho cộng đồng biết về sản phẩm tốt cũng như sản phẩm không còn tốt để người dùng lựa chọn, đánh giá, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển xanh của doanh nghiệp cho cộng đồng, môi trường và xã hội.

3. Thách thức đối với doanh nghiệp du lịch phát triển theo hướng tăng trưởng xanh sau đại dịch Covid-19

Đại dịch covid thực sự là một cơn sóng thần kinh khủng, đã xóa đi bao thành quả xây dựng của ngành du lịch trong nhiều năm qua, làm cho nhiều doanh nghiệp phá sản và phải rời bỏ cuộc chơi, nhiều doanh nghiệp còn tồn tại cũng sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn trước mắt cho tới khi kiểm soát được tình hình dịch, cũng như khả năng phục hồi sau thời gian khủng hoảng quá dài. Vậy thách thức cho các doanh nghiệp du lịch để phát triển nhìn chung và phát triển xanh là rất lớn sau đại dịch;

Thách thức, khó khăn về vốn: Tới thời điểm hiện tại, các doanh nghiệp đều rất cần vốn để tiếp tục duy trì và chuẩn bị cho sự quay trở lại và rõ ràng, sự ưu tiên đầu tiên của các doanh nghiệp là xây dựng lại hệ thống, tìm lại thị trường, nguồn khách hàng... Vốn dĩ trước đây phát triển xanh cũng đã đòi hỏi có một sự đầu tư nhất định, giờ này càng trở nên khó khăn hơn với nhiều doanh nghiệp.

Mức độ hồi phục của ngành: Theo tình hình dịch hiện tại, cuối năm 2021, nhiều chuyên gia phân tích thì phải tới hết năm 2023 thì du lịch mới có thể hồi phục dần và tới 2025 mới có thể cất cánh phát triển được, chính vì thế các doanh nghiệp sẽ rất chần chừ cho sự đầu tư vào du lịch khi chưa thấy

bức tranh rõ hơn, chứ chưa kể đến việc các doanh nghiệp sẽ nhìn bức tranh lớn về phát triển bền vững.

Thiếu hụt nhân lực các cấp: Trong gần hai năm qua, các nhân viên ngành du lịch hầu như ai có thể sống bằng nghề được, vì thế rất nhiều nhân sự các cấp đã rời bỏ ngành để làm sang các lĩnh vực khác, đặc biệt đợt dịch thứ 4 này với biến chủng như delta thì càng thúc đẩy người lao động tìm kiếm công việc khác ổn định, tâm lý người lao động bây giờ đang muốn sang một nghề khác an toàn hơn, chính vì thế sự thiếu hụt nhân sự là điều không thể tránh khỏi, dẫn đến việc phát triển nhìn chung và phát triển xanh sẽ gặp khó khăn.

Thị trường khách du lịch sẽ thay đổi: Cơn sóng thần đã ập tới và ảnh hưởng nặng nề tới nhiều mặt, nhiều lĩnh vực cuộc sống của mọi người dân Việt nam cũng như trên thế giới, thế nên nhu cầu và cách thức đi du lịch cũng sẽ thay đổi, thị trường khách du lịch sẽ thay đổi, ví dụ như khách du lịch quốc tế sẽ lựa chọn đi nội địa, hay đi tới các nước gần hơn thay vì đi xa,... tương tự như thế thì nhu cầu, xu hướng đi du lịch cũng sẽ thay đổi vì tâm lý ngại dịch bệnh, ngại đến các chỗ đông, hoặc thậm chí đối tượng khách có tuổi sẽ hạn chế đi du lịch hơn vì lo ngại bệnh dịch, trong khi đó đây là đối tượng khách được cho là khách chi tiêu với nhiều sản phẩm du lịch.

Cần xây dựng các sản phẩm du lịch mới: Xuất phát từ thay đổi của thị trường và nhu cầu đi du lịch thì các doanh nghiệp buộc phải có các thay đổi về sản phẩm, từ đó mới có thể đáp ứng được nhu cầu mới cũng như khả năng đi du lịch của du khách trong giai đoạn mới, việc này đòi hỏi không ít thời gian cũng như sự đầu tư để nghiên cứu lại thị trường, hành vi khách hàng để phát triển sản phẩm.

Chuỗi cung ứng bị gián đoạn: Do sự tạm dừng quá dài, không có doanh thu, không còn đủ lực để duy trì, nhiều doanh nghiệp, nhiều nhân sự rời bỏ cuộc chơi nên các khâu cung ứng cho việc kinh doanh và phát triển du lịch đã bị đứt gãy hoặc bị gián đoạn, điều này sẽ ảnh hưởng không ít tới sự phát triển phục hồi sau đại dịch. Ngoài sự nỗ lực tìm kiếm, tạo mới sự hợp tác của các doanh nghiệp thì chúng ta cũng rất cần có sự hỗ trợ từ nhà nước để tạo lại sự kết nối để mọi mắt xích lại được lấp chạy và cho cỗ máy được vận hành trơn tru cho sự phát triển bền vững.

Nhạ□n thu□c của cộ□ng đơ□ng địa phư□o□ng và khách du lịch: Ở mặt tích cực thì sau đại dịch, sự mất mát cũng nhiều và con người sẽ nhận ra nhiều giá trị của cuộc sống từ đó có những suy nghĩ và hành động tích cực hơn. Tuy nhiên, kinh tế nhìn chung và kinh tế du lịch sẽ phát triển chậm, cuộc sống của cộng đồng địa phương sẽ bị ảnh hưởng, họ sẽ tìm mọi cách để kiếm sống, ví dụ như sẽ có thể có các hoạt động khai thác quá mức tới tài nguyên thiên nhiên, đánh bắt, săn bắn trái phép....điều này tất nhiên sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, tới trật tự an toàn xã hội và làm chậm lại định hướng phát triển xanh. Ở một tư duy rất thực tế của đại đa số chúng ta là “có thực thì

mới vực được đạo”, tức là cần đảm bảo cuộc sống cho mình trước khi giúp người khác.

Trước covid, truyền thông về du lịch có trách nhiệm đã bắt đầu được thực hiện khá phổ biến nhưng sau đại dịch, chúng ta không chắc các kênh truyền thông của điểm đến cũng như các doanh nghiệp sẽ còn được duy trì để tiếp tục nâng cao nhận thức của du khách để họ có thể cùng là một phần của sự phát triển xanh.

4. Kết luận.

Sau một đại khủng hoảng, bắt đầu lại mọi thứ đều là rất khó khăn và đồng thời với mục tiêu cần phát triển xanh, phát triển có trách nhiệm thì lại là một thử thách không rất lớn cho mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong ngành du lịch.

Nhưng cũng là một sự khởi đầu mới của một cuộc chơi mới, một sự bắt đầu mới để chúng ta có thể làm mọi thứ chuẩn chỉnh hơn, chuyên nghiệp hơn và coi việc phát triển kinh tế xanh là đòi hỏi bắt buộc sẽ giúp chính doanh nghiệp phát triển bền vững hơn, đóng góp cho mục tiêu phát triển bền vững của đất nước cũng như sự an lành của môi trường toàn cầu.

Ngoài những nội dung chia sẻ trên, có vài ý kiến bổ sung, nhấn mạnh mong muốn để kết luận bài tham luận này như sau;

- Nhà nước cần có một cú hích để giúp doanh nghiệp phục hồi và phát triển xanh, doanh nghiệp cần một sự tham gia quyết liệt và dài hạn của quản lý nhà nước, từ thể chế, ngân sách, kế hoạch nội lực của nhà nước. Nhà nước cần rà soát lại các quy định để đảm bảo còn phù hợp hay cần có sự thông thoáng nhưng vẫn đủ rắn đẽ, việc đánh thuế vào dịch vụ môi trường, đi kèm với chính sách khuyến khích, ưu đãi thuế, tăng chi ngân sách cho công nghệ xanh...
- Ngoài việc đào tạo, thì truyền thông của cơ quan quản lý nhà nước hết sức quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp cũng như các bên tham gia vào quá trình kinh doanh, phát triển du lịch, nhưng hãy truyền thông một cách thường xuyên, lâu dài và bằng các cách khác nhau để đủ độ ngấm tới mọi người, tránh các kiểu truyền thông hình thức, truyền thông theo chiến dịch một thời gian ngắn rồi lại vụt tắt.
- Các doanh nghiệp cần coi phát triển xanh là yêu cầu đương nhiên của thị trường, của khách hàng sau đại dịch, vì cuộc đại khủng hoảng đã thay đổi nhiều thứ, cũng như sự tiến bộ của loài người, chúng ta không còn có thể kinh doanh đơn thuần như trước đây.
- Mục tiêu tăng trưởng xanh cần được điều chỉnh cho phù hợp, hoặc coi đó là mục tiêu song hành của sự tăng trưởng chung của doanh nghiệp, tránh việc đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế xong rồi mới quay ra để làm mục tiêu tăng trưởng xanh, như thế sẽ dẫn đến xung đột và sẽ rất khó thực hiện.

- Phát triển xanh là định hướng mới, vậy rất cần gắn vào suy nghĩ, thói quen, hành động... bằng cách truyền thông và truyền thông tích cực từ nhà nước tới các cấp quản lý, để mọi người thấy được tầm quan trọng và luôn luôn gắn việc phát triển xanh vào phát triển kinh tế nhìn chung.
- Ngoài ra, cần có giải pháp để khuyến khích và thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường.
- Đúng là sau covid sẽ là thách thức và khó khăn chồng chất của các doanh nghiệp cũng như nhà nước, nhưng nếu tư duy theo hướng khác thì đây cũng chính là cơ hội cho ngành du lịch, các điểm đến, các doanh nghiệp cùng nhìn lại mình và xây dựng một chiến lược phát triển du lịch mang tính thực tế hơn và bền vững hơn.

VỊNH XUÂN ĐÀI - PHÁT TRIỂN DU LỊCH XANH: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Yên

1. Tổng quan về du lịch xanh

Trong những thập kỷ qua, mối quan tâm ngày càng tăng của quốc tế về tính bền vững môi trường và biến đổi khí hậu đang khiến cho tất cả các công ty phải đối mặt với thách thức trong việc lồng ghép các vấn đề môi trường vào chiến lược kinh doanh (Toft & Rüdiger, 2020; Tura, Keränen, & Patala, 2019). Do đó, nhiều công ty đang tận dụng xu hướng xanh để cung cấp nhiều hơn các sản phẩm và dịch vụ trách nhiệm với môi trường và xã hội (Yang, Nguyen, Nguyen, Nguyen, & Cao, 2020). Các sáng kiến xanh này hầu như có sẵn ở mọi nơi như: thực phẩm xanh, năng lượng xanh, bao bì xanh, du lịch xanh, công trình xanh, thời trang xanh, kiến trúc xanh, chính phủ xanh, v.v. (Leonidou & Skarmeas, 2015; Nguyen Thi Thu Huong, Yang Zhi, & Anh, 2019).

Liên quan đến lĩnh vực du lịch, theo Hong et. al. (2003), du lịch xanh bắt nguồn từ châu Âu, nó thường được sử dụng thay thế cho du lịch nông thôn nói chung. Hay theo Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc, du lịch xanh là “hoạt động giải trí kiểu lưu trú để tận hưởng thiên nhiên và văn hóa của điểm đến và tương tác với cư dân địa phương ở các vùng nông thôn và miền núi có cảnh quan thiên nhiên phong phú” (Hong, Kim, & Kim, 2003). Hiệp hội Du lịch Xanh Đài Loan nhấn mạnh rằng: du lịch xanh là “các hoạt động du lịch nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, giảm thiểu việc sử dụng năng lượng và phát thải carbon, đồng thời tận hưởng sự toàn vẹn về sinh thái - nhân văn - văn hóa”.

Còn ở nước ta, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch đã đưa ra khái niệm như sau: Du lịch xanh được hiểu là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Như vậy, nhìn chung, quan điểm phát triển du lịch xanh của các quốc gia trên thế giới tương đối giống nhau, nó đã và đang trở thành một nguyên tắc, một xu hướng chung để phát triển du lịch bền vững. Một điều thú vị là ở các nước đang phát triển, việc thực hiện du lịch xanh hay du lịch bền vững còn được coi là biện pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng nghèo đói, việc làm và đa dạng hóa kinh tế.

Đối với Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030" tại Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020 những định hướng cụ thể về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh. Việt Nam có tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch xanh với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp cùng với các di tích lịch sử. Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, con người hòa đồng thân thiện, là điểm đến của nhiều du khách. Tuy nhiên, hoạt động du

lịch còn tồn tại một số vấn đề khiến cho du lịch xanh chưa được phát triển, cụ thể: phát triển du lịch chưa gắn với khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, hiệu suất sử dụng tài nguyên thấp; phát triển du lịch chưa gắn kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường; phát triển du lịch chưa tính đến biến đổi khí hậu;... Việc phát triển quá nhanh đã gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường du lịch. Chính vì vậy, việc phát triển du lịch theo xu hướng tăng trưởng xanh và bền vững thực sự cần thiết và đây cũng là định hướng lâu dài trong điều kiện đầy biến động của môi trường.

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ thời gian qua đã đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong lĩnh vực du lịch. Điều này thể hiện qua lượng khách du lịch tăng nhanh, cơ sở vật chất ngành du lịch phát triển nhanh chóng, góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội tại nhiều địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, ngành du lịch trong vùng cũng đang phải đối diện với các nguy cơ suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường diễn ra ở nhiều nơi, tác động từ biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, chất lượng dịch vụ cũng như hình ảnh du lịch địa phương. Vì vậy, thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là yêu cầu cần thiết và là hướng đi đúng đắn cho sự phát triển bền vững của vùng. Phát triển du lịch xanh, tăng trưởng xanh là cơ hội và cũng là thách thức, là mục tiêu quan trọng trong phát triển du lịch bền vững, góp phần phát triển kinh tế đất nước nói chung và Vịnh Xuân Đài – Phú Yên nói riêng.

2. Thực trạng phát triển du lịch xanh Vịnh Xuân Đài

Phú Yên là vùng đất được thiên nhiên ban tặng cho nhiều danh thắng nổi tiếng trong đó vịnh Xuân Đài được ví như “một kho” tài nguyên vô giá của tỉnh và cả khu vực miền Trung. Vịnh Xuân Đài đã được Thủ tướng Chính phủ đưa vào quy hoạch tổng thể phát triển thành khu du lịch quốc gia tại Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 là một sự kiện có ý nghĩa với sự phát triển du lịch tỉnh Phú Yên. Đây là cơ sở pháp lý để địa phương lập các quy hoạch xây dựng, các khu chức năng, xây dựng cơ chế chính sách đặc thù, thu hút các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở pháp lý trong công tác bảo vệ tài nguyên, cảnh quan môi trường đảm bảo phát triển bền vững.

Thời gian qua, tỉnh Phú Yên đã huy động nhiều nguồn lực từ ngân sách nhà nước và xã hội để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, gắn với phát triển du lịch đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Riêng việc khai thác các danh thắng để phát triển du lịch bước đầu cũng đã đạt một số kết quả. xây dựng Chương trình xúc tiến, quảng bá và xây dựng thương hiệu Khu Du lịch quốc gia, quảng bá tiềm năng vịnh Xuân Đài. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng với các ngành liên quan và UBND thị xã Sông Cầu, UBND huyện Tuy An triển khai nhiều biện pháp phối hợp trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và cộng đồng dân cư về nhiệm vụ quản lý tài nguyên, phát triển du lịch, đảm bảo an ninh trật tự, môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy các giá trị di tích trên địa bàn nói chung và danh thắng vịnh Xuân Đài nói riêng. Tỉnh đã thực hiện điều tra, khảo sát hệ sinh thái trong Vịnh Xuân Đài, trong đó có hệ sinh thái rạn san hô; quy hoạch khoanh vùng bảo vệ các khu vực có rạn san hô quý, nghiêm

cấm việc khai thác san hô trái phép. Xây dựng Đề án bảo vệ, cải thiện môi trường tại khu vực Khu Du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài; phối hợp các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện các mô hình, dự án góp phần giảm thiểu hoạt động xả thải trực tiếp các chất thải xuống đầm, vịnh, từng bước cải tạo chất lượng môi trường trong vịnh Xuân Đài.



Vịnh Xuân Đài (Ảnh: Internet)

Tuy nhiên việc khai thác tiềm năng, lợi thế vịnh Xuân Đài để phát triển du lịch còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm trong cộng đồng dân cư, một số nơi chưa thực hiện đúng quy định, tình trạng xả rác bừa bãi, mất vệ sinh, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường còn phổ biến tại các khu vực dân cư xung quanh vịnh Xuân Đài. Mặt khác, hoạt động nuôi tôm hùm trong lồng, bè phát triển rất mạnh trên vịnh trong những năm gần đây, mật độ thả lồng bè nuôi dày, do đó các nguồn chất thải rất lớn từ hoạt động nuôi trồng thủy sản đã gây ô nhiễm môi trường nước trong vịnh, tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và tài nguyên biển, gây khó khăn cho công tác quản lý của địa phương và các ngành chức năng. Hạn chế này do nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, tại khu vực không gian vịnh chưa có nhiều cơ sở lưu trú chất lượng, thiếu hệ thống dịch vụ thiết yếu phục vụ du khách như: Dịch vụ ăn, uống, vui chơi giải trí, mua sắm, thiếu sản phẩm du lịch thương hiệu riêng để thu hút du khách. Thời gian qua, hầu hết khách du lịch đến Vịnh Xuân Đài chủ yếu tham quan ngắm cảnh, tắm biển và thưởng thức hải sản...

Thứ hai, công tác quảng bá hình ảnh các danh thắng nổi tiếng của địa phương Phú Yên trong đó có Vịnh Xuân còn đơn điệu, thiếu tính chuyên nghiệp và không thường xuyên liên tục.

Thứ ba, hoạt động nuôi trồng hải sản của các hộ dân tại khu vực mặt nước vịnh Xuân Đài đang phát triển mạnh về quy mô, mang tính tự phát, gây ảnh hưởng lớn đến tài nguyên tự nhiên phục vụ phát triển du lịch. Tình trạng xâm lấn đất đai, mặt nước, cát lều quán, khai thác trái phép tài nguyên thiên văn xảy ra khá nhiều, xả nước thải ra môi trường gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh và sự phát triển bền vững Vịnh Xuân Đài. Do vậy, để hài hòa lợi ích giữa nuôi trồng hải sản và phát triển du lịch trên Vịnh Xuân Đài, nhất là phát triển theo hướng tăng trưởng xanh sẽ là một thách thức không nhỏ đối với tỉnh Phú Yên.

Thứ tư, nhận thức chưa đầy đủ về phát triển du lịch xanh của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp cũng như của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và khách du lịch hiểu về du lịch xanh, về việc bảo vệ môi trường du lịch tại vịnh Xuân Đài chưa hiệu quả, thiếu sự giám sát của cơ quan chức năng, chưa có các hướng dẫn đầy đủ về tiêu chí, điều kiện, đánh giá tác động môi trường và hệ thống kiểm soát, quản lý các vấn đề về môi trường liên quan đến các hoạt động du lịch.

Thứ năm, hiện tại Phú Yên đang thiếu đội ngũ hướng dẫn viên được đào tạo chuyên nghiệp; với những yêu cầu cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có sự am hiểu sâu sắc về địa lý, lịch sử, văn hóa và thông thạo ngoại ngữ để có thể đáp ứng nhiều đối tượng khách du lịch cả trong và ngoài nước khi đến Phú Yên.

Thứ sáu, hoạt động xã hội hóa khai thác tiềm năng danh thắng ở Phú Yên trong đó có việc đầu tư khai thác tiềm năng ở vịnh Xuân Đài để phát triển du lịch còn khó khăn. Mặt khác, việc tranh thủ nguồn lực từ Trung ương, nguồn vốn đầu tư nước ngoài để phát triển du lịch ở địa phương còn hạn chế.

3. Giải pháp phát triển du lịch Vịnh Xuân Đài theo hướng tăng trưởng xanh:

3.1 Cần nâng cao nhận thức về du lịch xanh

Trước hết là đối với các nhà quản lý các cấp từ quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp của ngành Du lịch và các ngành có liên quan đến du lịch về nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển du lịch xanh. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục cộng đồng dân cư nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Khu Du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài và ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, về phát triển du lịch xanh tại Vịnh Xuân Đài.

3.2 Xây dựng và thực hiện Đề án Vịnh Xuân Đài - Phú Yên xanh, tập trung giải quyết triệt để rác thải sinh hoạt, giảm thiểu rác thải nhựa và tăng không gian xanh

Lập kế hoạch truyền thông xây dựng hình ảnh Vịnh Xuân Đài - Phú Yên xanh; phát huy tính tự giác, chủ động, trách nhiệm bảo vệ môi trường đến người dân và du khách.

Ngăn chặn và giải quyết hiệu quả vấn đề ô nhiễm đầm, vịnh do hoạt động nuôi trồng thủy sản. Quản lý chặt chẽ hoạt động nuôi trồng thủy sản đảm bảo theo đúng quy hoạch được duyệt. Có giải pháp xử lý hiệu quả tình

trạng xả thải rác thải sinh hoạt, rác thải nhựa, chất thải chưa qua xử lý ra đầm, vịnh, biển.

3.3 Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; tăng cường sử dụng công nghệ, nguyên vật liệu mới. Tăng tỷ lệ tái sử dụng chất thải trong sản xuất; hỗ trợ phát triển sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm sau quá trình tái chế.

Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, nhất là quy hoạch về nuôi trồng thủy sản trên mặt vịnh, quy hoạch đất đai, các loại rừng trong không gian phát triển du lịch Vịnh Xuân Đài, đảm bảo hài hòa, tránh xung đột lợi ích và bảo vệ di tích danh lam thắng cảnh quốc gia Vịnh Xuân Đài, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh quốc phòng và lợi ích cho cộng đồng địa phương. Hiện đại hóa lĩnh vực địa chính, dịch vụ công về đất đai, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ trong khai thác, sử dụng.

3.4 Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và dịch vụ gắn với bảo tồn danh thắng để từng bước thu hút khách du lịch đến tham quan danh thắng Vịnh Xuân Đài

Tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa gắn với không gian danh thắng Vịnh Xuân Đài. Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và dịch vụ theo hướng thân thiện với môi trường, phát triển bền vững, cung ứng các dịch vụ và sản phẩm theo hướng tác động tích cực đến môi trường, góp phần phát triển du lịch bền vững. Chú trọng các loại hình du lịch như: Du lịch khám phá đại dương, du lịch biển đảo; du lịch tham quan nghỉ dưỡng gắn với văn hóa ẩm thực những món đặc sản biển như ốc nháy, cà khía, cua, tôm, ghẹ, cá mú, ốc vú nàng...

Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn ngành, kiểm tra, giám sát để duy trì chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch; hình thành hệ thống kiểm định, đánh giá và quản lý, nhất là đối với các sản phẩm du lịch xanh để qua đó tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong ngành du lịch.

3.5 Chú trọng công tác đào tạo nhân lực du lịch, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch xanh ở Việt Nam

Nguồn nhân lực du lịch có ý nghĩa rất lớn đối với phát triển du lịch. Cần phải đào tạo nhân lực du lịch đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời có kiến thức, có lòng yêu nghề, có sự hiểu biết về tiềm năng tự nhiên, giá trị lịch sử, văn hóa của các danh thắng... bởi đây là lực lượng trực tiếp quảng bá, giới thiệu và góp phần lôi cuốn du khách đến, dừng lại tham quan và nghỉ dưỡng.

Bên cạnh đó, cần tổ chức nhiều lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng, nhất là người dân sinh sống, làm ăn trong khu vực danh thắng hiểu được giá trị của di tích, danh thắng, trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ di sản.

Tạo việc làm, giúp người dân có thu nhập từ hoạt động du lịch; khi được hưởng lợi từ di sản thì chính họ sẽ có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ, gìn giữ danh thắng.

3.6 Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp gắn với bảo tồn

Trên thực tế ngân sách của địa phương còn rất nhiều khó khăn để có thể đầu tư, khai thác phát huy các tiềm năng, lợi thế của vịnh Xuân Đài trong phát triển du lịch. Do vậy huy động nguồn lực xã hội trong đó đặc biệt là các doanh nghiệp cả trong, ngoài tỉnh và doanh nghiệp ngoài nước có đủ năng lực để đầu tư khai thác danh thắng vịnh Xuân Đài, góp phần phát triển du lịch là hướng đi đúng. Song phải có những chính sách, quy định cụ thể đảm bảo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo tồn danh thắng vịnh Xuân Đài theo hướng thân thiện với môi trường để phát triển bền vững.

3.7 Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá du lịch Vịnh Xuân Đài, thúc đẩy phát triển du lịch sau dịch COVID-19 gắn với lộ trình hoạt động của ngành Du lịch ở một số địa bàn trọng điểm, trong đó phát triển chuỗi giá trị sản phẩm du lịch xanh - bền vững

Nhà nước cũng như doanh nghiệp cần đẩy mạnh hơn nữa và đầu tư xứng đáng cho quảng bá, xúc tiến mạnh hơn về du lịch xanh trong phạm vi toàn xã hội, cho khách du lịch bằng nhiều hình thức khác nhau, phương tiện khác nhau nhằm xây dựng một hình ảnh du lịch xanh Vịnh Xuân Đài – Phú Yên, một điểm đến thân thiện thu hút đối với du khách. Tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch danh thắng vịnh Xuân Đài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hệ thống cung cấp thông tin miễn phí cho khách du lịch; xuất bản nhiều ấn phẩm quảng bá cho danh thắng vịnh Xuân Đài. Cụ thể như: Bản đồ, tập gấp, phim ảnh, quà tặng, tác phẩm nhiếp ảnh, hội họa, văn học nghệ thuật... để vịnh Xuân Đài có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư đóng góp tích cực vào phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

3.8 Ứng dụng khoa học công nghệ; chuyển đổi theo hướng du lịch xanh như: Mô hình tiết kiệm điện năng, tiết kiệm nước tại các cơ sở lưu trú, hướng dẫn khách du lịch bảo vệ môi trường khi tham gia tour; xây dựng các sản phẩm du lịch khuyến khích du khách nâng cao ý thức bảo vệ môi trường...

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hong, S. K., Kim, S. I., & Kim, J. H. (2003). Implications of potential green tourism development. *Annals of tourism research*, 30(2), 0-341.
2. Leonidou, C. N., & Skarmetas, D. (2015). Gray shades of green: Causes and consequences of green skepticism. *Journal of Business Ethics*, 144(2), 401-415.
3. Marchand, A., & Walker, S. (2008). Product development and responsible consumption: designing alternatives for sustainable lifestyles. *Journal of Cleaner Production*, 16(11), 1163-1169.

4. Nguyen Thi Thu Huong, Yang Zhi, & Anh, L. V. (2019). How does greenwash affect green food purchase intention in an emerging market? Evidence from Vietnam. *Ciencia e Tecnica Vitivinicola*, 34(11), 233-260
5. *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 6, tháng 3 năm 2021.
6. Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 Thủ tướng chính phủ: Phê duyệt “Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050”
7. Trang thông tin của Tổng cục Du lịch Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch; <http://lienhiephoiphuyen.com.vn/ban-tin-tri-thuc/nguyen-cuu-trao-doi/66-Vinh-Xuan-Dai-Va-phat-trien-du-lich.html>
8. Nguyễn Hoài Sơn, Bản tin tri thức, <http://lienhiephoiphuyen.com.vn/ban-tin-tri-thuc/nguyen-cuu-trao-doi/66-Vinh-Xuan-Dai-Va-phat-trien-du-lich.html>

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

TS. Lê Quang Đăng
Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch

Tóm tắt

Bài viết này trao đổi một số vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng và triển khai áp dụng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Bài viết đặc biệt nhấn mạnh các vấn đề liên quan đến khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh; phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch xanh; ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh; đảm bảo tính kết nối, hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong mô hình và đánh giá, kiểm soát chất lượng, hiệu quả mô hình.

Từ khoá: du lịch, mô hình, Nam Trung Bộ, tăng trưởng xanh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, tài nguyên tự nhiên ngày càng cạn kiệt, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang thực hiện chính sách chuyển đổi mô hình tăng trưởng, từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, từ tăng trưởng nâu sang tăng trưởng xanh. Năm 2012, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050” (Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012). Hiện tại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đang xây dựng mới “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2021.

Du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và tính xã hội hoá cao, được mệnh danh là ngành “công nghiệp không khói”, có đóng góp tích cực đối với tăng trưởng xanh quốc gia. Việc định hướng phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là hợp lý và quan trọng vì trước hết du lịch là ngành đóng góp chính cho nền kinh tế toàn cầu - đặc biệt là cho các quốc gia đang phát triển; thứ hai, du lịch chiếm khoảng 5% lượng khí thải nhà kính và đang gia tăng nhanh hơn định mức toàn cầu; thứ ba, vì môi trường là một yếu tố thiết yếu tạo nên sức hấp dẫn của điểm đến du lịch [7].

Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh trong bối cảnh biến đổi khí hậu chính là con đường của sự phát triển bền vững, là mô hình phát triển tiên tiến được nhiều quốc gia trên thế giới hướng tới [2]. Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh sẽ góp phần thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế xanh (green economy), hướng tới mục tiêu phát triển bền vững quốc gia và toàn cầu.

Theo Tang Chengcai và cộng sự (2017), phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh theo nghĩa hẹp là một loại hoạt động du lịch có chú ý đến bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường sinh thái; theo nghĩa rộng, là sự phát triển nhằm đạt được lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường thông qua hiện thực hóa ý tưởng phát triển xanh, phương pháp phát triển, sản phẩm, tiêu dùng và quản lý [9]. Theo Nguyễn Anh Tuấn và đồng tác giả (2020), phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là phương thức phát triển dựa trên cơ sở tôn trọng, bảo tồn, phát huy hiệu quả các giá trị tài nguyên; thực hiện các hoạt động quản lý, kinh doanh và tiêu dùng du lịch xanh; tiêu thụ ít năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo; đồng thời, tạo việc làm, cải thiện sinh kế và mang lại hạnh phúc cho người dân, góp phần xây dựng nền kinh tế xanh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững [1][4]. Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là mô hình, phương thức để chuyển đổi từ phát triển du lịch theo chiều rộng sang phát triển du lịch theo chiều sâu, theo hướng “xanh” và bền vững.

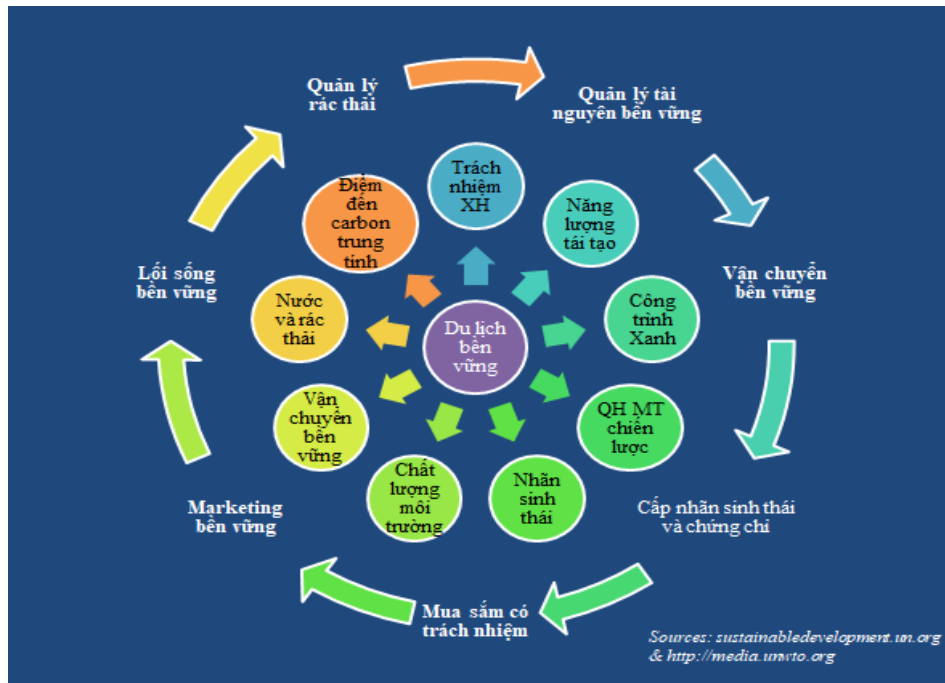
Để phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh, cần thiết phải triển khai thực hiện đồng bộ trong toàn ngành, cho từng vùng, từng địa phương và từng khu, điểm du lịch. Đồng thời, cần xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho mỗi cấp khác nhau, bởi mỗi vùng, địa phương, khu, điểm du lịch có đặc điểm kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, đặc điểm tài nguyên và nguồn lực cho phát triển du lịch không giống nhau. Hơn thế, quá trình triển khai áp dụng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho mỗi cấp cũng đặt ra nhiều vấn đề, căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của mỗi vùng, địa phương, khu, điểm du lịch để giải quyết triệt để những vấn đề này nhằm phát huy tối đa hiệu quả của mô hình.

II. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG NAM TRUNG BỘ

1. Một số mô hình phát triển du lịch bền vững và phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh

Hiện đã có rất nhiều nghiên cứu trên thế giới và trong nước về mô hình tăng trưởng xanh và kinh tế xanh. Tuy nhiên, những nghiên cứu về tăng trưởng xanh trong lĩnh vực du lịch và mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cụ thể cho một vùng, địa phương và khu, điểm du lịch còn khá hạn chế.

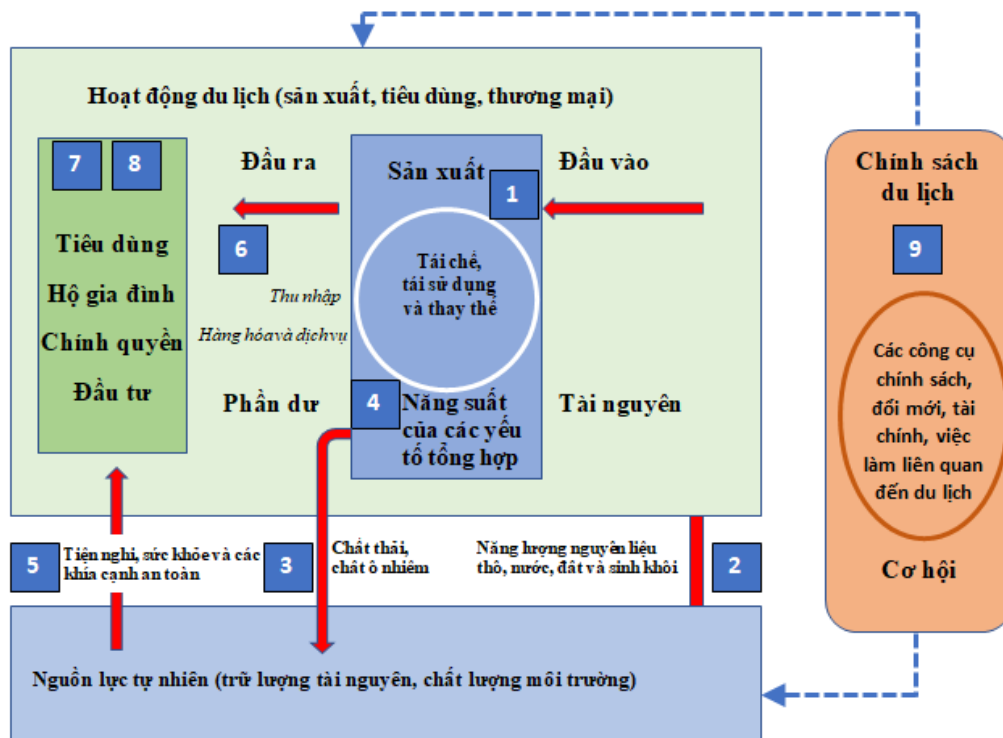
Một số tổ chức quốc tế đã đưa ra mô hình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong lĩnh vực du lịch. Theo UNWTO, mô hình du lịch bền vững phải bao gồm 09 tiêu chí: có quy hoạch môi trường chiến lược; có chất lượng môi trường tốt; có hệ thống xử lý nước thải và rác thải; có hệ thống cung cấp năng lượng tái tạo; điếm đến các-bon trung tính; có hệ thống các công trình xanh; có hệ thống vận chuyển bền vững; có nhân sinh thái cấp cho các cơ sở kinh doanh du lịch; có trách nhiệm xã hội (Hình 1).



Nguồn: <http://sustainabledevelopment.un.org>

Hình 1. Mô hình Du lịch bền vững của UNWTO

Theo OECD (2011), mô hình tăng trưởng xanh trong lĩnh vực du lịch là một vòng tuần hoàn khép kín “xanh hoá” các hoạt động từ khai thác tài nguyên du lịch đến phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch và tiêu dùng du lịch, có tính đến yếu tố nâng cao năng suất của các yếu tố tổng hợp cũng như tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường (Hình 2).



Nguồn: Dịch từ OECD, 2011

Hình 2. Mô hình Tăng trưởng xanh trong lĩnh vực du lịch của OECD

Alexandra Law và cộng sự (2016) đã đưa ra mô hình tăng trưởng xanh tại hòn đảo du lịch Bali, Indonesia. Mô hình dựa trên triết lý phổ biến và lâu đời của người dân đảo Bali “Tri Hita Karana” (có nghĩa là “Ba lý do cho sự thịnh vượng”: Hòa hợp với Chúa - Hòa đồng với mọi người - Hòa hợp với thiên nhiên và môi trường). Mô hình dựa trên 10 nền tảng (đầu vào) gồm chính sách minh bạch, sức mạnh lãnh đạo, hiệu quả tổ chức, tích hợp quy hoạch, nghiên cứu vững chắc, đào tạo toàn diện, công nghệ hàng đầu, kết nối cộng đồng, đối tác đầu tư và văn hóa nổi trội để thực hiện 16 Chiến lược nhằm đạt được 04 mục tiêu tăng trưởng xanh: tăng trưởng kinh tế hiệu quả; cải thiện chất lượng cuộc sống người dân; tạo lập môi trường tốt hơn; thấp các-bon và một Bali đích thực [8]. (Hình 3).



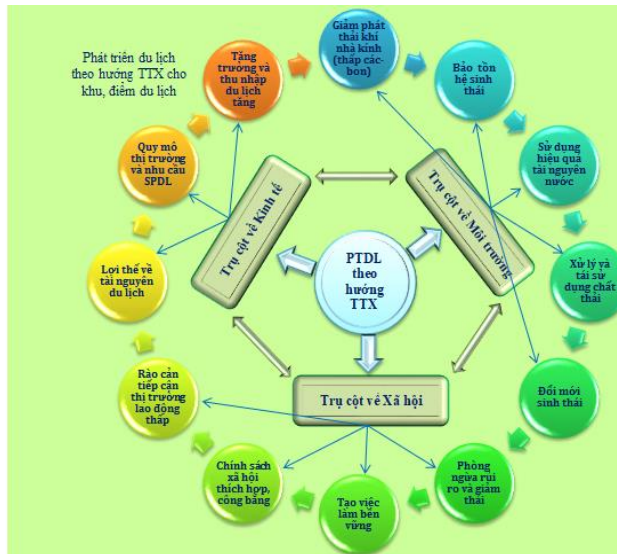
Nguồn: Alexandra Law, et al. (2016) [8]

Hình 3. Mô hình tăng trưởng xanh ở Bali, Indonesia

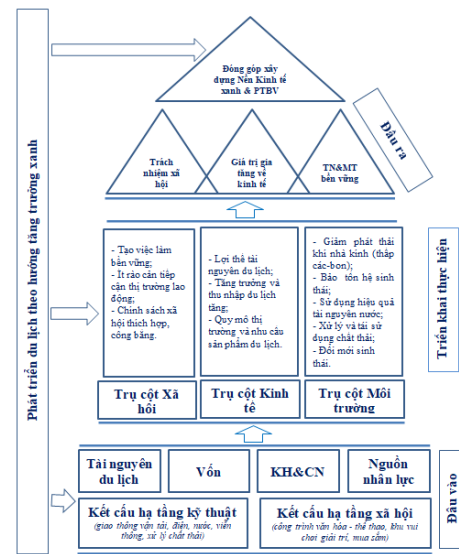
Năm 2020, nghiên cứu “Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh”, Nguyễn Anh Tuấn và đồng tác giả đã xây dựng 03 mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho khu, điểm du lịch tại Việt Nam, bao gồm: mô hình chuỗi tuần hoàn, mô hình chuỗi nối tiếp và mô hình hình chóp phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh [4] (Hình 4). Dù vận hành theo mô hình nào, hiệu quả đầu ra đều phải đảm bảo cả 3 trụ cột: Về kinh tế là hiệu quả tăng trưởng dựa trên cơ sở khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và các nguồn lực; về văn

hoá - xã hội là tạo ra nhiều chính sách an sinh và phúc lợi, tạo việc làm bền vững, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá bản địa; về môi trường là giảm phát thải, bảo vệ tài nguyên và môi trường bền vững.

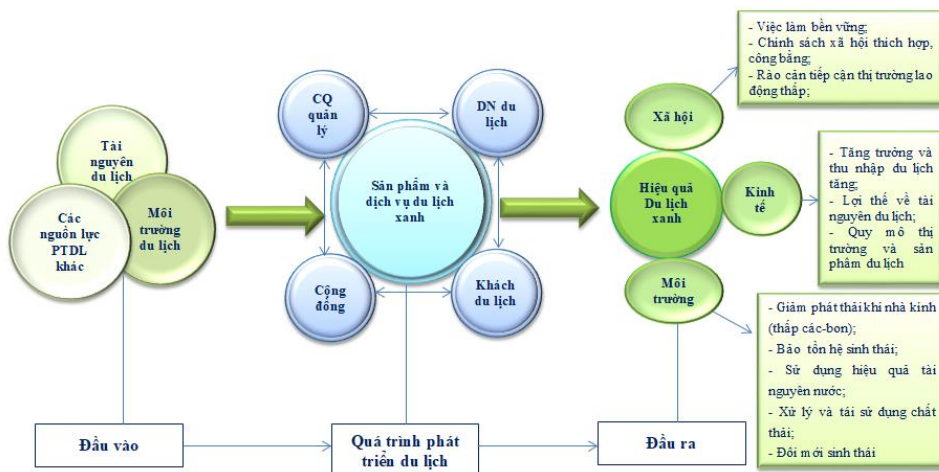
a) Mô hình Chuỗi tuần hoàn



b) Mô hình Hình chóp



c) Mô hình Chuỗi nối tiếp



Nguồn: Nguyễn Anh Tuấn và đồng tác giả (2020) [4]

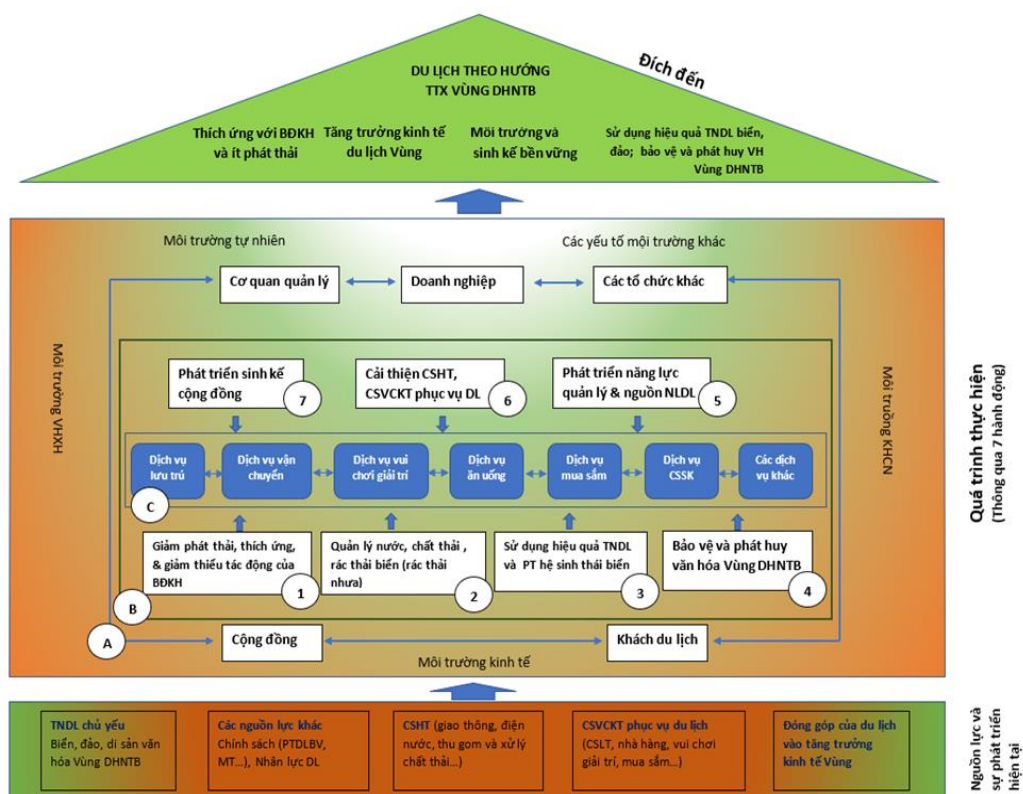
Hình 4. Mô hình tăng trưởng xanh ở Bali, Indonesia

2. Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho giao thương, phát triển kinh tế và du lịch. Vùng có 8 đơn vị hành chính cấp tỉnh, có diện tích khoảng 45.000 km², dân số khoảng hơn 10 triệu người. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước, với các trọng điểm du lịch Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hoà; là trung tâm thu hút và phân phối khách du lịch cho toàn bộ khu vực miền Trung - Tây Nguyên; có hệ thống giao thông kết nối khá phát triển với 02

sân bay quốc tế (Đà Nẵng, Cam Ranh) cùng một số sân bay nội địa. Các loại hình du lịch chủ đạo của Vùng là du lịch biển, đảo; du lịch văn hoá; du lịch đô thị; du lịch MICE. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên và các yếu tố nguồn lực khác cho phát triển du lịch, tuy nhiên, đây cũng là vùng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi biến đổi khí hậu. Do đó, phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là định hướng quan trọng, là con đường phát triển du lịch bền vững tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Dựa trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh trong nước cũng như trên thế giới, Nguyễn Thị Lan Hương và đồng tác giả (2021) đã đề xuất mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Hình 5). Mô hình được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển mô hình tăng trưởng xanh ở Bali - Indonesia của Alexandra Law (Hình 3) và mô hình hình chóp phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh của Nguyễn Anh Tuấn (Hình 4.c).



Nguồn: Nguyễn Thị Lan Hương và đồng tác giả (2021), Đề tài KH&CN cấp Bộ: “Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ” (dự thảo).

Hình 5: Mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Mô hình gồm 03 tầng phát triển:

(1) *Tầng thấp:* thể hiện nguồn lực và các yếu tố đầu vào cũng như tình hình phát triển du lịch hiện tại của Vùng; là nền tảng khởi đầu dựa trên những điều kiện hiện có để khởi động cho quá trình phát triển du lịch theo hướng

tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, bao gồm tài nguyên du lịch và các yếu tố nguồn lực khác như chính sách, nhân lực, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, những đóng góp hiện tại của du lịch với tăng trưởng và phát triển chung của Vùng.

(2) *Tăng trung*: là quá trình triển khai, thực hiện các hành động để thúc đẩy du lịch phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, với 07 hành động cụ thể gồm: giảm phát thải, thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH; quản lý tài nguyên nước và kiểm soát chất thải ra môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên tự nhiên; bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa bản địa; tăng cường năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực; cải thiện kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng “xanh” hóa; phát triển sinh kế cộng đồng. Các hành động cụ thể này nhằm hướng đến mục tiêu tạo ra và duy trì các sản phẩm, dịch vụ du lịch xanh, phục vụ nhu cầu tiêu dùng du lịch xanh của thị trường. Quá trình triển khai thực hiện các hành động này được diễn ra trong sự kết nối, đảm bảo hài hòa về lợi ích của các bên liên quan mà chủ yếu là 04 nhóm đối tượng chính: cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp và các tổ chức xã hội; khách du lịch; cộng đồng địa phương.

(3) *Tăng chóp*: là đích đến của mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, thể hiện 04 kết quả phải đạt được gồm: thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải trong quá trình phát triển du lịch; tăng trưởng du lịch nhanh và bền vững; môi trường và sinh kế bền vững; khai thác, sử dụng, bảo vệ hiệu quả tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa của Vùng. Đạt được các kết quả trên, phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ sẽ đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng của tăng trưởng xanh.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

1. Khai thác hợp lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên du lịch cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là khu vực nhạy cảm, chịu tác động rất lớn bởi BĐKH. Một mặt, BĐKH tác động làm suy giảm giá trị tài nguyên, mặt khác, các hệ sinh thái (rừng nguyên sinh, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ) có vai trò điều hòa, giảm thiểu tác động tiêu cực và thích ứng với BĐKH. Vì thế, vấn đề khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên cho phát triển du lịch là rất quan trọng.

Khai thác tài nguyên cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh có sự khác biệt rất lớn với khai thác tài nguyên cho phát triển du lịch đại trà. Phát triển du lịch đại trà coi trọng khai thác tối đa các nguồn lực tài nguyên, đạt mục đích tăng trưởng về lượng trong ngắn hạn, ít hoặc không tính đến hệ quả về môi trường, làm suy giảm giá trị tài nguyên, ảnh hưởng cảnh quan tự nhiên; trong khi đó, phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh theo hướng ngược lại: phát triển du lịch dựa trên sự tôn trọng, giữ tính nguyên bản của các giá trị tài nguyên, không có hoặc ít có tác động trực tiếp từ con người

đến các giá trị tài nguyên. Khai thác tài nguyên cho phát triển du lịch và bảo tồn các giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hoá phải luôn song trùng. Một khi tài nguyên bị khai thác quá mức, các giá trị tài nguyên bị xâm hại thì không còn phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh.

Tuy nhiên, đây là vấn đề rất lớn đặt ra cho vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Với đặc điểm địa hình nhỏ, hẹp, diện tích núi, rừng và vùng ngập mặn chiếm đa số, quỹ đất dành cho phát triển du lịch khá hạn chế. Hơn thế, Duyên hải Nam Trung Bộ lại là vùng du lịch trọng điểm của cả nước, với những “điểm nóng” thu hút khách du lịch như thành phố Đà Nẵng, thành phố Hội An (Quảng Nam), thành phố Nha Trang (Khánh Hoà), nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên tự nhiên cho phát triển du lịch là rất lớn. Bài toán cân đối hài hòa giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững đặt ra thách thức lớn đòi hỏi các cấp quản lý cần có chiến lược, chính sách và cơ chế thích hợp để đảm bảo mục tiêu phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh.

2. Lựa chọn, phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch xanh, những loại hình du lịch gắn gũi với thiên nhiên, thân thiện với môi trường

Tương ứng với khai thác, sử dụng hợp lý các giá trị tài nguyên, phát triển sản phẩm và dịch vụ du lịch xanh, các loại hình du lịch gắn gũi với thiên nhiên, thân thiện với môi trường có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Sản phẩm và dịch vụ du lịch là trung tâm điều phối các mối quan hệ giữa người bán (doanh nghiệp, cộng đồng kinh doanh du lịch) với người mua (khách du lịch) và người quản lý (kiểm soát chất lượng sản phẩm và hoạt động kinh doanh hợp pháp). Phát triển sản phẩm du lịch xanh để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng du lịch xanh và ngược lại, nghiên cứu, khai thác các thị trường có nhu cầu tiêu dùng du lịch xanh để định hướng, phát triển sản phẩm du lịch xanh là vấn đề cốt lõi, quan trọng để triển khai mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Sản phẩm du lịch xanh là những sản phẩm du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, thân thiện với môi trường, phù hợp với các nguyên tắc phát triển bền vững [4]. Một số sản phẩm, loại hình du lịch theo hướng xanh gồm: du lịch sinh thái; du lịch nông nghiệp - nông thôn; du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng núi, nghỉ dưỡng biển, đảo; du lịch gắn với giáo dục môi trường.

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh về du lịch biển, đảo, có thể phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái biển, đảo; tham quan, thắng cảnh biển, đảo; nghỉ mát, tắm biển, vui chơi giải trí, thể thao biển; nghỉ dưỡng biển, đảo. Tuy nhiên, phát triển du lịch cũng cần quán triệt nguyên tắc “không đánh đổi tài nguyên cho phát triển du lịch bằng mọi giá”, kiên quyết với các dự án du lịch “núp bóng” (kinh doanh bất động sản đằng sau các dự án du lịch); ưu tiên các nhà đầu tư lớn, có tiềm lực tài chính, công nghệ, có kinh nghiệm và trách nhiệm để phát triển các sản phẩm nghỉ dưỡng biển, đảo cao cấp. Cần lựa chọn, phát triển hài hoà các loại hình du lịch xanh khác như du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; du lịch văn hoá, du lịch

nông nghiệp - nông thôn; du lịch cộng đồng để giảm tải cho các khu du lịch biển vào những mùa cao điểm và giải quyết bài toán “mùa vụ”. Bên cạnh đó, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng phải được đồng bộ theo hướng “xanh hoá” tiến tới hình thành “điểm đến du lịch xanh” nhằm góp phần giảm phát thải khí nhà kính, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, hạn chế tác động không tốt của môi trường tới sức khỏe của khách du lịch và cộng đồng.

3. Đảm bảo tính kết nối, hài hoà lợi ích của các bên liên quan

Để triển khai áp dụng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đạt hiệu quả, một vấn đề rất quan trọng đặt ra là cần đảm bảo tính kết nối, hài hoà lợi ích của các bên liên quan. Phá vỡ tính kết nối, tách biệt bất kỳ một bên nào cũng đều ảnh hưởng đến sự thành công của mô hình.

(1). Đối với cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Chính sách, cơ chế về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh có tính định hướng và quyết định đến mọi hoạt động du lịch, đảm bảo sự thành công của mô hình, hoàn thành các mục tiêu về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh.

(2). Đối với doanh nghiệp kinh doanh du lịch: Quyết định đến việc tạo ra sản phẩm và dịch vụ du lịch xanh, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo hướng xanh, giảm xả thải ra môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, có trách nhiệm với tài nguyên, môi trường và xã hội.

(3). Cộng đồng dân cư tại các khu, điểm du lịch với tư cách là những người phải được thụ hưởng các giá trị từ du lịch. Ở chiều ngược lại, cộng đồng cũng có những đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường, là nguồn cung lao động cho các doanh nghiệp; các giá trị văn hóa bản địa và môi trường xã hội văn minh, thân thiện, hiếu khách của cộng đồng cũng mang lại thành công cho mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh. Trong quá trình phát triển, nhà nước, doanh nghiệp phải quan tâm đến cộng đồng để “không ai bị tổn thương” và “không ai bị bỏ lại phía sau”.

(4). Khách du lịch - với tư cách là đối tượng “tiêu dùng du lịch xanh”, có vai trò quan trọng đối với sự thành công của mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cần xác định và hướng đến những đối tượng khách có nhu cầu, sở thích và thị hiếu đối với những sản phẩm và dịch vụ du lịch xanh; đối tượng khác trung và thượng lưu, khách giàu có, có khả năng chi tiêu cao và lưu trú dài ngày; khách du lịch công vụ; khách có ý thức, trách nhiệm cao về bảo vệ tài nguyên, môi trường, tôn trọng văn hóa, phong tục, tập quán địa phương.

4. Ứng dụng công nghệ là yếu tố then chốt mang đến thành công cho mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh

Mục tiêu quan trọng của mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh là vừa đảm bảo tăng trưởng nhanh vừa đảm bảo bảo vệ tài nguyên và môi trường bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với

BĐKH. Với sự phát triển mạnh mẽ của KH&CN hiện đại, việc triển khai, ứng dụng các công nghệ tiên tiến đã và đang góp phần mang lại hiệu quả tích cực cho phát triển du lịch. Vì thế, để đảm bảo sự thành công khi triển khai áp dụng mô hình tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vấn đề đặt ra là phải tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại. Các công nghệ được áp dụng có thể thể xác định 3 nhóm chủ yếu sau:

(1). *Công nghệ ứng dụng trong quản lý tài nguyên, kiểm soát môi trường và cảnh báo thiên tai*: các công nghệ định vị, công nghệ viễn thám hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên tự nhiên; công nghệ 3D, 360°, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ thực tại ảo và thực tại tăng cường (VR, AR) trong phục dựng di sản văn hóa và thiên nhiên, số hóa tài nguyên du lịch; các công nghệ cảnh báo thiên tai, dự báo thời tiết; công nghệ xử lý rác thải, nước thải;... các nhóm công nghệ này góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên du lịch, giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực tiến tới thích ứng với biến đổi khí hậu.

(2). *Công nghệ năng lượng mới, năng lượng tái tạo; công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học*: công nghệ điện gió, điện mặt trời đang rất phổ biến, có thể triển khai áp dụng tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, góp phần tiết kiệm và giảm thiểu sử dụng năng lượng hóa thạch, giảm áp lực và hạn chế phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ, góp phần bảo vệ tài nguyên tự nhiên, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính. Công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học tạo ra vật liệu siêu nhẹ, siêu bền, siêu sạch và nhiên liệu sinh học (xăng sinh học), góp phần bảo vệ môi trường.

(3). *Công nghệ thông tin truyền thông* và các công nghệ ứng dụng trong quản lý, kinh doanh du lịch góp phần tăng tính kết nối, hiệu quả trong công tác quản lý và kinh doanh du lịch, đặc biệt là công tác xúc tiến, quảng bá, phát triển thị trường, phát triển các sản phẩm du lịch mới, hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

5. Đánh giá, kiểm soát hiệu quả mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Để mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đạt hiệu quả, một vấn đề quan trọng đặt ra là phải đánh giá, kiểm soát được chất lượng và mức độ hiệu quả mang lại của mô hình. Điều này có nghĩa là, từ khi mô hình được xây dựng, đưa vào thử nghiệm, đến khi triển khai áp dụng trên thực tế, phải luôn luôn được kiểm soát, đánh giá chặt chẽ, đảm bảo quá trình phát triển du lịch của Vùng thực sự theo hướng tăng trưởng xanh. Do đó, cần thiết phải xây dựng bộ tiêu chí đánh giá với các chỉ số, thang đo cụ thể, chi tiết và toàn diện.

Kết quả đánh giá sẽ phản ánh bức tranh tổng diện của du lịch Vùng, có thể so sánh được trước và sau khi áp dụng mô hình phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, như: Chất lượng môi trường được cải thiện thế nào? Khả năng thích ứng với BĐKH ra sao? Chỉ số phát thải khí nhà kính giảm hay tăng? Lao động, việc làm, thu nhập và mức sống của cộng đồng bản địa thay đổi thế nào? Vấn đề bảo tồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa? Các chỉ số tăng trưởng du lịch? Mức độ hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm,

dịch vụ du lịch xanh? Chính sách quản lý và hoạt động kinh doanh có theo hướng “xanh”?...

Hoạt động đánh giá, kiểm soát mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh phải được triển khai thực hiện thường niên (hàng năm) và thường kỳ (giai đoạn) để phát hiện các “lỗ hổng” cũng như những bất cập xảy ra trong quá trình phát triển, có phương án điều chỉnh, can thiệp kịp thời để mô hình diễn ra theo đúng định hướng và kịch bản.

IV. KẾT LUẬN VÀ THẢO LUẬN

Mặc dù tăng trưởng xanh là vấn đề không mới, đã được nghiên cứu và thực thi trên thực tế ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại Việt Nam hiện là vấn đề khá mới mẻ, cả lý thuyết và mô hình tăng trưởng đều chưa được nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng rộng rãi. Việt Nam chưa có tiền lệ và chưa có vùng, địa phương, khu, điểm du lịch nào áp dụng thành công mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh để có thể đưa ra tham khảo, học hỏi và nhân rộng.

Trong giới hạn và phạm vi nhất định, trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu trong nước và nước ngoài, bài viết đã đề cập đến một số khái niệm căn bản về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh; giới thiệu một số mô hình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt là mô hình áp dụng cho một vùng cụ thể ở Việt Nam của Nguyễn Thị Lan Hương và nhóm tác giả đề xuất mới đây (2021). Trên cơ sở mô hình của nhóm tác giả đã đề xuất, bài viết phân tích các vấn đề đặt ra khi triển khai áp dụng mô hình này tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về các vấn đề cốt lõi để triển khai áp dụng mô hình đạt hiệu quả, trong đó, có 05 nhóm vấn đề căn bản gồm: khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên cho phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh; phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch xanh; ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh; đảm bảo tính kết nối, hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong mô hình; và, đánh giá, kiểm soát chất lượng, hiệu quả mô hình.

Tuy nhiên, từ xây dựng mô hình lý thuyết đến triển khai áp dụng mô hình trên thực tế là cả một quá trình đòi hỏi phải có thời gian để kiểm nghiệm tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả mang lại. Hơn thế, quá trình triển khai áp dụng mô hình cũng sẽ phát hiện ra những thiếu khuyết, phải điều chỉnh, can thiệp, bổ sung để đảm bảo mô hình vận hành đúng mục tiêu, định hướng và kịch bản. Khi triển khai áp dụng mô hình vào thực tế, sẽ còn rất nhiều vấn đề đặt ra ngoài những vấn đề mà bài viết đã phân tích. Các vấn đề cụ thể cần tiếp tục được nghiên cứu, trao đổi, phân tích kỹ lưỡng, đặc biệt là một số vấn đề như: “chính sách, quản lý xanh”, “lao động, việc làm xanh”, “sản phẩm, dịch vụ du lịch xanh”, “tiêu dùng du lịch xanh”, “đầu tư du lịch xanh”, “kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch xanh”, “doanh nghiệp du lịch xanh”,...; những vấn đề liên quan đến yêu cầu tăng trưởng nhanh với khả năng hạn chế của tài nguyên và các yếu tố nguồn lực; tác động của BĐKH, ô

niễm môi trường, suy kiệt tài nguyên, thiên tai, dịch bệnh đối với mô hình khi triển khai áp dụng trên thực tế; và những vấn đề có liên quan khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Anh Tuấn, Lê Quang Đăng (2019), “Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam”, *Tạp chí Du lịch*, số tháng 7/2019.
- [2] Trương Sỹ Vinh (2019), “Phát triển du lịch xanh trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam”, *Tạp chí Du lịch*, số tháng 8/2019.
- [3] Nguyễn Văn Đính (2020), “Phát triển du lịch xanh Việt Nam”, *Tạp chí Du lịch*, số tháng 1-2/2020, tr.130-132.
- [4] Nguyễn Anh Tuấn và đồng tác giả (2020), “Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh”, *Đề tài KH&CN cấp Bộ thực hiện năm 2019 - 2020*.
- [5] Mehdi Azam and Tapan Sarker (2011), “Green tourism in the context of climate change towards sustainable economic development in the South Asian Region”, *Journal of Environmental Management and Tourism*, Volumell, Issue 1(3), pp.6-15.
- [6] Thomas Finkel (2011), *Greening chain value tourism in Bohol*, Private Sector Promotion Program PSP SMEDSEP smedsep.ph Lee SM, Honda HC, Ren G, Lo YC (2016), “The Implementation of Green Tourism and Hospitality”, *Journal of Tourism and Hospitality*, Volume 5. Issue 4.
- [7] McGrath G. M., Lipman G. H., (2016), “Green Growth Tourism Decision Support System: A Multi-Model Approach”, *Australasian Journal of Information Systems*, Vol 20, pp.1-20.
- [8] Alexandra Law, et al. (2016), “Transitioning to a green economy: the case of tourism in Bali, Indonesia”, *Journal of Cleaner Production*, Volume 111, Part B, Pages 295-305.
- [9] Tang Chengcai, et al (2017), “A review of green development in the tourism industry”, *Journal of Resources and Ecology*, Vol.8. No.5, pp.449-459.